

CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 4

- **Tổ thứ 31: Đại sư Đạo Tín:** (Tứ Tổ) bảng xuất đệ tử nổi pháp 9 đời tổng cộng 76 vị.

Núi Ngưu Đầu Kim Lăng truyền 6 đời tổ tông:

Đời 1: Thiền sư Pháp Dung

Đời 2: Thiền sư Trí Nham

Đời 3: Thiền sư Tuệ Phương

Đời 4: Thiền sư Pháp Trì

Đời 5: Thiền sư Trí Oai

Đời 6: Thiền sư Tuệ Trung.

Sáu vị trên đây có ngữ lục

Sáu đời Tổ tông đệ tử nổi pháp tổng cộng có 70 vị.

*** Thiền sư Pháp Dung sau 3 đời bảng xuất mười hai vị là:**

1. Thiền sư Đàm Thôi ở Chung Sơn Kim Lăng có một vị

2. Thiền sư ở Đại Tổ Kinh Châu

3. Thiền sư Nguyệt Không ở U Thê

4. Thiền sư Đạo Diễn ở Bạch Mã

5. Thiền sư Đình Trang ở Tân An

6. Thiền sư Trí Sai ở Bành Thành

7. Thiền sư Đạo Thọ ở Quảng Châu

8. Thiền sư Trí Sảng ở Hồ Châu

9. Thiền sư Đỗ Mặc ở Tân Châu

10. Thiền sư Trí Thành ở thượng Nguyên

11. Thiền sư Định Chân (Thiền Sư Trí Thành lưu xuất)

12. Thiền sư Như Độ (Thiền Sư Định Chân lưu xuất, 11 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú, cho nên không ghi chép)

*** Thiền sư Trí Nham sau bảng xuất tám vị:**

1. Thiền sư Kính Đàm ở Đông Đô

2. Thiền sư Chí Trường ở Tương Châu

3. Thiền sư Nghĩa Chân ở Hồ Châu

4. Thiền sư Doan Phục ở Ích Châu
5. Thiền sư Long Quang ở Qui Nhân
6. Thiền sư Biện Tài ở Tương Dương
7. Thiền sư Pháp Tuấn ở Hán Nam
8. Thiền sư Mẫn Cổ ở Tây Châu

(Tám vị trên đây không có cơ duyên ngữ cú, cho nên không ghi chép)

* **Thiền sư Pháp Trì sau 4 đời bằng xuất hai vị là:**

1. Thiền sư Huyền Tố ở Ngưu Đầu.
2. Thiền sư Hoàng Nhân ở Thiên Trụ.

* **Thiền sư Trí Oai sau 4 đời bằng xuất mười hai vị:**

1. Huyền Đĩnh ở chùa An Quốc ở Tuyên Châu Thiền sư trí Oai lưu xuất 3 vị.

2. Thiền sư Huyền Tố ở chùa Hạc Lâm ở Nhuận Châu.
3. Thiền sư Sùng Tuệ ở chùa Thiên Trụ ở Thư châu.

4. Thiền sư Đạo Khâm ở Kính Sơn Hàng Châu (Thiền sư Huyền Tố lưu xuất).

5. Thiền sư Đạo Lâm Ô Sào ở Hàng Châu (Thiền sư đạo Khâm lưu xuất).

6. Thiền sư Hội Thông Chùa Chiêu Hiền ở Hàng Châu (Ô Sào bằng xuất 6 vị trên đây thấy có ghi chép).

1. Thiền Sư Bảo Quán ở Linh Nham (Thiền sư Trí oai lưu xuất)
2. Thiền sư Đàm Ích ở núi Kim Hoa (Thiền sư Huyền Tố bằng

xuất 2 vị)

3. Thiền sư Viên Cảnh ở Ngộ Môn

1. Thiền sư Ngộ ở núi Mộc Chử (Thiền sư Đạo Khâm ở Kính Sơn bằng xuất 3 vị)

2. Thiền sư Quảng Phu ở Thanh Dương

3. Thiền sư Sùng Tuệ ở núi Cân Tử thuộc Hàng Châu. (6 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú, cho nên không ghi chép)

Trên đây là bản cũ, thứ tự các đời không rõ ràng, nay đều dựa vào chương vốn có chú thích thêm đệ tử nối pháp cộng thành 4 đời.

* **Thiền sư Tuệ Trung** sau 2 đời bằng xuất 36 vị (trừ ra Thiền sư Vân cư Trí ở Thiên thai và Thiền sư Thanh Nguyên Chùa Thê hà ở Nhuận Châu còn lại đều do Thiền sư Tuệ Trung lưu xuất:

1. Thiền sư Duy Tắc ở hang Phật Quạt núi Thiên Thai.

2. Thiền sư Vân Cư Trí ở núi Thiên Thai (Thiền sư Duy Tắc lưu xuất, 2 vị trên đây thấy có ghi chép).

1. Thiên sư Đạo Tánh ở núi Ngưu Đầu.
2. Thiên sư Trí Đăng ở Giang Ninh.
3. Thiên sư Hoài Tín ở Giải Huyện.
4. Thiên sư Toàn ở Học Lâm.
5. Thiên sư Hoài Cổ ở Bắc Sơn.
6. Thiên sư Quán Tông ở Minh Châu
7. Thiên sư Đại Trí ở núi Ngưu Đầu
8. Thiên sư Thiệu Đạo ở Bạch Mã
9. Thiên sư Trí Chân ở núi Ngưu Đầu
10. Thiên sư Đàm Ngung ở núi Ngưu Đầu
11. Thiên sư Vân Thao ở núi Ngưu Đầu
12. Thiên sư Ngưng nở núi Ngưu Đầu
13. Thiên sư Pháp Lương ở núi Ngưu Đầu
14. Thiên sư Hành Ứng ở Giang Ninh
15. Thiên sư Tuệ Lương ở núi Ngưu Đầu
16. Thiên sư Đạo Dung ở Hưng Thiệu
17. Thiên sư Chiếu Minh ở Tương Sơn
18. Thiên sư Pháp Đăng ở núi Ngưu Đầu
19. Thiên sư Định không ở núi Ngưu Đầu
20. Thiên sư Tuệ Thiệp ở núi Ngưu Đầu
21. Thiên sư Đạo Ngộ ở U Thê
22. Thiên sư Ngưng Không ở núi Ngưu Đầu
23. Thiên sư Đạo Sơ ở Tương Sơn
24. Thiên sư U Thê Tạng
25. Thiên sư Linh Huy ở núi Ngưu Đầu
26. Thiên sư Đạo Dĩnh ở U Thê
27. Thiên sư Cư Anh ở núi Ngưu Đầu
28. Thiên sư Pháp Thường ở Thích Sơn
29. Thiên sư Ngưng Tịch ở Long Môn
30. Thiên sư Trang Nghiêm Viễn
31. Thiên sư Đạo Kiên ở Tương Châu
32. Ni Minh Ngộ.
33. Cư sĩ Ân Tịnh Kỳ.
34. Thiên sư Thanh Nguyên chùa Thê Hà ở Nhuận Châu (Tuệ Thiệp lưu xuất, 34 vị trên đây không có cơ duyên-ngũ cú, cho nên không ghi chép)

Tổ thứ 32: Đại sư Hoàng Nhãn truyền năm đời bàng xuất một trăm lẻ bảy vị:

*** Đòi thứ nhất có mười ba vị:**

1. Thiền sư Thần Tú Bắc Tông
2. Quốc Sư Tuệ An Tung Nhạc
3. Thiền sư Đạo Minh ở Mông Sơn Viên Châu (3 người trên đây có ghi chép)

4. Thiền sư Đàm Quang chùa Phụng Pháp ở Dương Châu
5. Thiền sư Thiên Tháo ở Tuy Châu
6. Thiền sư Pháp Trì ở Kim Châu
7. Thiền sư Trí Sần ở Tư Châu
8. Thiền sư Pháp Chiếu ở Thư Châu
9. Thiền sư Nghĩa Phương ở Việt Châu
10. Thiền sư Đạo Tuấn ở Chi Giang
11. Thiền sư Huyền Trách ở Thường Châu
12. Thiền sư Tăng Đạt ở Việt Châu
13. Lưu Chủ Bộ ở núi Bạch Tông (mười vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú, cho nên không ghi chép).

*** Đòi thứ hai có ba mươi bảy:**

- Thiền sư Thần Tú Bắc Tông có mười chín vị:

1. Thiền sư Cự Phương ở núi Ngũ Đài
2. Thiền sư Trí Phong ở Trung Điền thuộc Phủ Hà Trung
3. Thiền sư Hàng Ma Tạng ở Duyên Châu
4. Thiền sư Đạo thọ ở Thọ Châu
5. Thiền sư Toàn Thực ở núi Đô Lương thuộc Hoài Nam (5 vị trên đây thấy có ghi chép)
6. Thiền sư Từ Lãng ở Kinh Châu
7. Thiền sư Phổ Tịch ở Tung Sơn
8. Thiền sư Sơn Hương Dục ở Đại Phật
9. Thiền sư Nghĩa Phước ở Tây Kinh
10. Thiền sư Hốt Lôi Trừng
11. Thiền sư Đông Kinh Nhật
12. Thiền sư Biến Tịnh ở Thái Nguyên
13. Thiền sư Nguyên Quán ở Nam Nhạc
14. Thiền sư Đỗ ở Nhữ Nam
15. Thiền sư Kính ở Tung Sơn
16. Thiền sư Tiểu Phước ở Kinh Triệu
17. Thiền sư Quán ở Quắc Sơn Phổ Châu
18. Thiền sư Sùng Khuê ở Mâu Sơn Nhuận Châu
19. Thiền sư Hoài Không ở An Lục (mười bốn vị trên đây không

có cơ duyên-ngữ cú, cho nên không ghi chép).

- Quốc sư Tuệ An ở Tung Nhạc có mười tám vị:

1. Thiền sư Nhân Kiệm Chùa Phước Tiên ở Lạc Kinh (Quốc sư Tuệ An lưu xuất 6 vị).

2. Hòa-thượng Phá Táo Đọa ở Tung Nhạc

3. Thiền sư Nguyên Khuê ở Tung Nhạc

4. Thiền sư Thản Nhiên ở Thường Sơn

5. Thiền sư Viên Tịch ở Nghiệp Đô

6. Thiền sư Đạo Lượng ở Tây Kinh

7. Đại Tổng Quản Lý Hiếu Dật ở Dương Châu (Thiền sư Đạo Lượng bồng xuất 5 vị)

8. Công Bộ Thượng Thư Trương Tích

9. Quốc Tử Tế Tửu Thôi Dung

10. Bí Thư Giám Hạ Tri Chương

11. Thứ Sử Khang Sần ở Mục Châu

12. Thiền sư Chánh Thọ (Thiền sư Thần Tháo ở Tùy Châu lưu xuất)

13. Thiền sư Sùng Tịch ở Hồng Châu (Thiền sư Đạo Minh ở Mông Sơn lưu xuất 3 vị)

14. Thiền sư Hoài ở Giang Tây

15. Thiền sư Thần Trinh ở Phủ Châu

16. Thiền sư Xử Tịch ở Tư Châu (Thiền sư Trí Sần ở Tư Châu lưu xuất)

17. Thiền sư Thần Phỉ ở Nghĩa Hưng (Thiền sư Huyền Trách lưu xuất 2 vị)

18. Thiền sư Sương ở Hồ Châu (15 người này không có Ngữ lục).

*** Đòi thứ ba: Có bốn mươi chín vị.**

- Thiền sư Từ Lăng ở Kinh Châu có ba vị Đệ tử nổi pháp:

1. Thiền sư Huyền Tông ở Tử Kim

2. Thiền sư Xa ở núi Đại Mai thuộc Minh Châu

3. Thiền sư Thận Huy ở Chuyên Giới (ba vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú, cho nên không ghi chép)

- Thiền sư Phổ Tịch ở Tung sơn có 46 vị đệ tử nổi pháp:

1. Duy Chánh ở núi Chung Nam (Thiền sư Phổ Tịch lưu xuất 24 vị, một vị thấy có ghi chép).

2. Thiền sư Tuệ Không ở Quảng Phước

3. Thiền sư Thường Việt

4. Thiền sư Giáp ở núi Thạch Tương Châu

5. Thiền sư Minh Tấn
6. Thiền sư Chân ở chùa Kính Ái
7. Thiền sư Thủ Hiền ở Duyên Châu
8. Thiền sư Thạch Tạng ở Định Châu
9. Thiền sư Trường Tâm ở Nam Nhạc
10. Thiền sư Nhựt Chiếu ở Nam Nhạc
11. Thiền sư Cán chùa Đông Đức ở Lạc Kinh
12. Thiền sư Tô Châu Chân Lượng
13. Thiền sư Duệ ở chùa Ngõa Quang
14. Thiền sư Pháp Dung ở Đặc Dương
15. Thiền sư Diễn ở Quảng Lăng
16. Thiền sư Tuệ Không ở Thiểm Châu
17. Thiền sư Chân Lượng ở Lạc Kinh
18. Thiền sư Hằng Nguyệt ở Trạch Châu
19. Thiền sư Đàm Chân ở bắc Châu
20. Thiền sư Sùng Diễn ở núi Đô Lương
21. Thiền sư Tự Trường chùa Chương Kính ở Kinh Triệu
22. Thiền sư Tung Dương Tự Nhất Hạnh .
23. Thiền sư chùa Bắc Dung ở Kinh Triệu
24. Cư sĩ Định Đào Đình ở Tào Châu.

- Thiền sư Nghĩa Phước ở Tây kinh có tám vị:

1. Thiền sư Đại Hùng Mãnh
2. Thiền sư Đại chấn-động ở Tây Kinh
3. Thiền sư Thần Phỉ
4. Thiền sư Đại Bị Quang ở Tây Kinh
5. Thiền sư Đại Ẩn ở Tây Kinh
6. Thiền sư Định Cảnh
7. Thiền sư Đạo Bá
8. Thiền sư Huyền Chứng

- Thiền sư Hàng Ma Tạng lưu xuất ba vị:

1. Thiền sư Tịch Mãn ở Tây Kinh
2. Thiền sư Định Trang ở Tây Kinh
3. Thiền sư Nam Nhạc Tuệ Ẩn .

- Thiền sư Nguyên Quán ở Nam Nhạc lưu xuất một vị: Thiền sư

Thần Chiếu

- Thiền sư Tiểu Phước lưu xuất ba vị:

1. Thiền sư Thâm Tịch ở Lam Điền-Kinh Triệu
2. Thiền sư Nhật Một Vân ở núi Thái Bạch

3. Thiền sư Pháp Siêu ở núi Đông Bạch
- Thiền sư Quán ở Hoắc sơn lưu suất một vị Thiền sư U ở Hiện Sơn

- Thiền sư Xử Tịch ở Tư Châu lưu suất bốn vị:

1. Thiền Sư Vô Tướng ở Ích Châu
2. Thiền sư Mã ở núi Trường Tùng-Ích Châu
3. Thiền sư Siêu
4. Thiền sư Hiểu Liễu ở Tử Châu

Thiền sư Phỉ ở nghĩa Hưng lưu suất hai vị

1. Thiền sư Trí Dư ở Tây Kinh
2. Thiền sư Trí Thâm ở Đông Đô

(Cả bốn mươi lăm vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú, cho nên không ghi chép).

*** Đời thứ tư: Có bảy vị.**

- Thiền sư Duy Chánh ở Hưng Thiện có hai vị đệ tử nổi pháp:

1. Thiền sư Định Tâm ở Hàng Châu
2. Thiền sư Chí Chân ở Kính Ái (2 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú, cho nên không ghi chép)

- Thiền sư Vô Tướng ở Ích Châu có năm vị Đệ tử nổi pháp:

1. Thiền sư Vô ở chùa Bảo Đường ở Ích Châu (Thiền sư Vô Tướng lưu suất 4 vị, một vị thấy có ghi chép)
2. Thiền sư Dung ở núi Kinh Châu Minh Nguyệt
3. Vương Đầu Đà ở núi Vân Đảnh Hán Châu
4. Thiền sư Thần Hội chùa Tịnh Chúng ở Ích Châu.
5. Thiền sư Võ Giới (Thiền sư Thận Huy ở Chuyên Giới lưu suất, 4 vị trên đây không có cơ duyên ngữ cú, cho nên không ghi chép.

*** Đời thứ năm: Có một vị**

Thiền sư Chí Chân ở chùa Kính Ái có một vị đệ tử nổi pháp

MỤC LỤC 2

Tổ thứ 31: Đại sư Đạo Tín có đệ tử nổi pháp tổng cộng 183 vị, trong đó có 76 vị bằng suất.

Núi Ngưu Đầu-Kim lăng có 6 đời tổ tông thấy ghi lục:

Đời thứ nhất: Thiền sư Pháp Dung

Đời thứ hai: Thiền sư Trí Nham

Đời thứ ba: Thiền sư Tuệ Phương

Đời thứ tư: Thiền sư Pháp trì

Đời thứ năm: Thiền sư Trí Oai

Đời thứ sáu: Thiền sư Tuệ Trung.
 Tổ tông 6 đời trước có đệ tử nổi pháp tổng cộng 80 vị.
 Thiền sư Pháp Dung sau 3 đời bành xuất 12 vị (một vị thấy có ghi
 lục)

Thiền sư Đàm Thôi ở Chung Sơn-Kim lăng

Thiền sư Đại Tố ở Kinh Châu

Thiền sư Nguyệt không ở U Thê

Thiền sư Đạo Diễn ở Bạch Mã

Thiền sư Định Trang ở Tân An

Thiền sư Trí sai ở Bành Thành

Thiền sư Đạo Thọ ở Quảng Châu

Thiền sư Trí Sảng ở Hồ Châu

Thiền sư đồ Mặc ở Tân Châu

Thiền sư Trí Thành ở Thượng Nguyên - Trí Thành lại lưu xuất
 một vị: Thiền sư Định Chân. Định Chân lại lưu xuất một vị: Thiền sư
 Như Độ

(11 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục)

- Thiền sư Trí Nham sau bành xuất:

Thiền sư Kính Đàm ở Đông Đô

Thiền sư Chí Trường ở Tương Châu

Thiền sư Nghĩa Chân ở Hồ Châu

Thiền sư Đoan Phục ở Ích Châu

Thiền sư Quy Nhân ở Long Quang

Thiền sư Biện Tài ở Tương Dương

Thiền sư Pháp Tuấn ở Hán Nam

Thiền sư Mẫn Cổ ở Tây Xuyên.

(8 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục).

- Thiền sư Pháp Trì sau bành xuất:

Thiền sư Huyền Tố ở núi Ngũ Đầu

Thiền sư Hoằng Nhân ở núi Thiên Trụ

(2 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục)

- Thiền sư Trí oai sau 3 đời bành xuất 12 vị (6 vị thấy có ghi lục)

Thiền sư Huyền Đĩnh chùa An Quốc ở Tuyên Châu

Thiền sư Huyền Tố Chùa Hạc lâm ở Nhuận Châu

Thiền sư sùng Tuệ núi Thiên Trụ ở Thư Châu

Thiền sư Đạo Khâm ở Kính Sơn-Hàng Châu

Thiền sư Đạo Lâm-Ô Sào ở Hàng Châu

Thiền sư Hội Thông Chùa Chiêu Hiền ở Hàng Châu.

Huyền Tố lại lưu xuất 2 vị:

1. Thiên sư Đàm Ích ở Kim Hoa
2. Thiên sư Viên Cảnh ở Ngô Môn

Đạo Khâm lại lưu xuất 3 vị:

1. Thiên sư Ngô ở núi Mộc Chử
2. Thiên sư Quảng Phu ở Thanh Dương
3. Thiên sư Sùng Tuệ núi Trung Tử ở Hàng Châu

Đạo Lâm lại lưu xuất một vị: Thiên sư Bảo Quán ở Linh Nham
(6 vị trên đây không có cơ duyên-ngũ cú không ghi lục).

- Thiên sư Tuệ Trung sau 2 đời bành xuất 36 vị (2 vị thấy có ghi

lục):

Thiên sư Duy Tắc ở hang Phật Quật núi Thiên (bành xuất vân cư ở Thiên Thai).

Thiên sư Vân Cư Trí ở núi Thiên Thai

Thiên sư Đạo Tánh ở núi Ngưu Đầu

Thiên sư Trí Đăng ở Giang Ninh

Thiên sư Hoài Tín ở Giải Huyện

Thiên sư Toàn ở hạc Lâm

Thiên sư Hoài Cổ ở Bắc sơn

Thiên sư Quán Tông ở Minh Châu

Thiên sư Đại Trí ở núi Ngưu Đầu

Thiên sư Thiện Đạo ở Bạch Mã

Thiên sư Trí Chân ở núi Ngưu Đầu

Thiên sư Đàm ngưng ở núi Ngưu Đầu

Thiên sư Vân Thao ở núi Ngưu Đầu

Thiên sư Ngưng ở núi Ngưu Đầu

Thiên sư Pháp Lương ở núi Ngưu Đầu

Thiên sư Hành Ứng ở Giang Ninh

Thiên sư Huệ Lương ở núi Ngưu Đầu

Thiên sư Đạo Dung ở Hưng Thiện

Thiên sư Chiếu Minh ở Tưởng Sơn

Thiên sư Pháp Đăng ở núi Ngưu Đầu

Thiên sư Định Không ở núi Ngưu Đầu

Thiên sư Tuệ Thiệp ở núi Ngưu Đầu

Thiên sư Đạo Ngộ ở U Thê

Thiên sư Ngưng Không ở núi Ngưu Đầu

Thiên sư Đạo Sơ ở Tưởng Sơn

Thiên sư Tạng ở U Thê

Thiền sư Linh Huy ở núi Ngưu Đầu
 Thiền sư Đạo Dĩnh ở U Thê
 Thiền sư Cự Anh ở núi Ngưu Đầu
 Thiền sư Pháp Thường ở Thích Sơn
 Thiền sư Ngưng Tịch ở Long Môn
 Thiền sư Trang Nghiêm Viễn
 Thiền sư Đạo Kiên ở Tương Châu.
 Ni Minh Ngộ
 Cư sĩ Ân Tịnh kỹ.

Tuệ Thiệp trước đây lại lưu xuất một vị: Thiền sư Thanh Nguyên
 Chùa Thê Hà ở Nhuận Châu.

(34 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục).

Tổ thứ 32: Đại sư Hoàng Nhẫn truyền 5 đời bành xuất 107 vị:

Đời thứ nhất có 13 vị (3 vị thấy có ghi lục):

Thiền sư Thần Tú ở Bắc Tông
 Quốc sư Tuệ An ở Tung Nhạc.
 Thiền sư Đạo Minh ở Mông Sơn-Viên Châu
 Thiền sư Đàm Quang Chùa Phụng Pháp ở Dương Châu
 Thiền sư Thiền Tháo ở Tuy Châu.
 Thiền sư Pháp Trì ở Kim Châu
 Thiền sư Trí Sần ở Tư Châu
 Thiền sư Pháp Chiếu ở Thư Châu
 Thiền sư Nghĩa Phương ở Việt Châu
 Thiền sư Đạo Tuấn ở Chi Giang
 Thiền sư Huyền Trách ở Thường Châu
 Thiền sư Tăng Đạt ở Việt Châu.
 Lưu Chủ Bộ ở núi Bạch Tùng.

(10 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục).

*** Đời thứ hai có 37 vị:**

- Thiền sư Thần Tú ở Bắc Tông có đệ tử nối pháp 19 vị (5 vị thấy
 có ghi lục)

Thiền sư Cự Phương ở núi Ngũ Đài
 Thiền sư Trí Phong ở núi Trung Điều thuộc phủ Hà Trung.
 Thiền sư Hàng Ma Tạng ở Duyệt Châu
 Thiền sư Đạo Thọ ở Thọ Châu
 Thiền sư Toàn Thực ở núi Đô Lương thuộc Hoài Nam.
 Thiền sư Từ Lăng ở Kinh Châu
 Thiền sư Phổ Tịch ở Tung Sơn

Thiền sư Hương Dục ở núi Đại Phật

Thiền sư Nghĩa Phước ở Tây Kinh

Thiền sư Hốt lồi Trừng

Thiền sư Đông Kinh Nhật

Thiền sư Biến Tịnh ở Thái Nguyên

Thiền sư Nguyên Quán ở Nam Nhạc

Thiền sư Đỗ ở Nhữ Nam

Thiền sư Kính ở Tung Sơn

Thiền sư Tiểu Phước ở Kinh Triệu

Thiền sư Quán ở Hoắc Sơn-Phổ Châu

Thiền sư Sùng Khuê ở Mao Sơn-Nhuận Châu

Thiền sư Hoài Không ở An Lạc

(14 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục)

- Quốc sư Tuệ An ở Tung Nhạc trước đây có đệ tử nổi pháp 18 vị

(3 vị thấy có ghi lục)

Thiền sư Nhân Kiệm chùa Phước Tiên ở Lạc Kinh.

Hòa thượng Phá Táo Đọa ở Tung Nhạc

Thiền sư Nguyên Khuê ở Tung Nhạc

Thiền sư Thản Nhiên ở Thường Sơn

Thiền sư Viên Tịch ở Nghiệp Đô

Thiền sư Đạo Lượng ở Tây Kinh

Đạo Lượng lại lưu xuất 5 vị:

1. Đại Tổng Quản Lý Hiếu Dật ở Dương Châu

2. Công Bộ Thượng Thư Trương Tích

3. Quốc Tử Tế Tửu Thôi Dung

4. Bí Thư Giám Hạ Tri Chương

5. Thứ sử Khang Sần ở Mục Châu.

- Thiền sư Thiên Tháo ở Tùy Châu trước đây lại lưu xuất một vị:

Thiền sư Chánh Thọ

- Thiền sư Đạo Minh ở Mông Sơn trước đây lại lưu xuất 3 vị:

1. Thiền sư Sùng Tịch ở Hồng Châu

2. Thiền sư Hoài ở Giang Tây

3. Thiền sư Thần Trinh ở Phủ Châu

- Thiền sư Trí Sần ở Tư Châu trước đây lại lưu xuất một vị: Thiền sư Xử Tịch ở Tư Châu.

- Thiền sư Huyền Trách trước đây lại lưu xuất 2 vị:

1. Thiền sư Thần Phỉ ở Nghĩa Hưng

2. Thiền sư Sướng ở Hồ Châu

(15 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục).

*** Đồi thứ ba có 49 vị:**

- Thiền sư Từ Lãng ở Kinh Châu trước đây có đệ tử nổi pháp:

1. Thiền sư Huyền Tông ở Tử Kim
2. Thiền sư Thường ở núi Đại Mai thuộc Minh Châu
3. Thiền sư Thận Huy ở Chuyên Giới

(3 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục).

- Thiền sư Phổ Tịch ở Tung Sơn trước đây có đệ tử nổi pháp 46 vị
(một vị thấy có ghi lục).

Thiền sư Duy Chánh ở núi Chung Nam

Thiền sư Tuệ không ở Quảng Phước

Thiền sư Thường Việt

Thiền sư Tư ở núi Giáp Thạch-Tương Châu

Thiền sư Minh Toán

Thiền sư Chân ở Chùa Kính Ai

Thiền sư Thủ Hiền ở Duyên Châu

Thiền sư Thạch Tạng ở Định Châu

Thiền sư Trường Tâm ở Nam Nhạc

Thiền sư Nhật Chiếu ở Nam Nhạc

Thiền sư Cán Chùa Đồng Đức ở Lạc Kinh

Thiền sư Chân Lượng ở Tô Châu

Thiền sư Duệ ở Chùa Ngõa Quan

Thiền sư Pháp Dung ở Dặc Dương

Thiền sư Diển ở Quảng Lăng Thiền

sư Tuệ Không ở Thiểm Châu Thiền

sư Chân Lượng ở Lạc Kinh

Thiền sư Hằng Nguyệt ở Trạch Châu

Thiền sư Đàm Chân ở Bạc Châu

Thiền sư Hằng Nguyệt ở Trạch Châu

Thiền sư Đàm Chân ở Bạc Chân

Thiền sư Sùng Diển ở núi Đô Lương

Thiền sư Trường chùa Chương Kính ở Kinh Triệu

Thiền sư Nhất Hành ở Chùa Tung Dương

Thiền sư Dung Chùa Sơn Bắc ở Kinh Triệu

Cư sĩ Định Đào Đình ở Tấn Châu.

- Thiền sư Nghĩa Phước ở Tây Kinh trước đây lại lưu xuất 8 vị:

Thiền sư Đại Hùng Mãnh

Thiền sư Đại Chấn Động ở Tây Kinh

Thiền sư Thần Phỉ

Thiền sư Đại Bị Quang ở Tây Kinh

Thiền sư Đại Ẩn ở Tây Kinh

Thiền sư Định Cảnh

Thiền sư Đạo Bá

Thiền sư Huyền Chứng.

- Thiền sư Hàng Ma Tạng trước đây lại lưu xuất 3 vị:

Thiền sư Tịch Mãn ở Tây Kinh

Thiền sư Định Trang ở Tây Kinh

Thiền sư Tuệ Ẩn ở Nam Nhạc

- Thiền sư Nguyên Quán ở Nam Nhạc trước đây lại lưu xuất một

vị:

Thiền sư Thần Chiếu.

- Thiền sư Tiểu Phước trước đây lại lưu xuất 3 vị:

Thiền sư Thâm Tịch ở Lâm Điền Kinh Triệu

Thiền sư Nhật Một Vân ở núi Thái Bạch

Thiền sư Pháp Siêu ở núi Đông Bạch.

- Thiền sư Quán ở Hoắc sơn trước đây lại lưu xuất một vị:

Thiền sư u ở Hiện Sơn

- Thiền sư Xử Tịch ở Tư Châu trước đây lại lưu xuất 4 vị:

Thiền sư Vô Tướng ở Ích Châu

Thiền sư Mã ở núi Trường Tùng-Ích Châu

Thiền sư Siêu.

- Thiền sư Thần Phỉ ở Nghĩa Hưng trước đây lại lưu xuất 2 vị:

Thiền sư Trí Du ở Tây Kinh

Thiền sư Trí Thâm ở Đông Đô

(45 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục)

* Đời thứ tư có 7 vị:

- Thiền sư Duy Chánh ở Hưng Thiện trước đây có đệ tử nối pháp

1 vị:

Thiền sư Định Tâm ở Hoàn Châu

Thiền sư Chí Chân ở Chùa Kính Ai

(2 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục).

- Thiền sư Vô Tướng ở Ích Châu trước đây có đệ tử nối pháp 5 vị:

(Một vị không thấy có ghi lục)

Thiền sư Vô Trú Chùa Bảo Đường ở Ích Châu

Thiền sư Dung ở núi Minh Nguyệt-Kinh Châu

Vương Đầu Đà ở núi Vân đảnh-Hán Châu

Thiền sư Thần Hội Chùa tịnh Chúng ở Ích Châu.

- Thiền sư Thận Huy ở Chuyên Giới trước đây lại lưu xuất một vị:

Thiền sư Võ Giới

(4 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục).

*** Đòi thứ năm có một vị:**

- Thiền sư Chí Chân ở Chùa Kính Ai trước đây có đệ tử nổi pháp.

Thiền sư Chiếu ở Tung sơn (không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục).

Tổ thứ 31: ĐẠI SƯ ĐẠO TÍN (4): về sau bâng xuất đệ tử nổi pháp Núi Ngưu đầu-Kim lăng truyền 6 đời tổ tông.

- Đòi thứ 1: Thiền sư Pháp Dung:

Người ở Diên Lăng, thuộc Nhuận Châu, họ Vi. Năm mười chín tuổi học thông kinh sử. Ngài tìm xem Đại Bộ Bát-Nhã hiểu rõ Chân không, Bỗng một hôm than rằng: Sách Nho ở đời là pháp không rốt ráo, Bát Nhã Chánh Quán là thuyền bè xuất thế. Bèn ẩn vào núi tìm thấy xuống tóc. Sau vào núi Ngưu Đầu Sơn, trụ trong hang đá ở phía Bắc chùa U Thê, có điều kỳ lạ là trăm chim ngậm hoa đến cúng dường. Trong niên hiệu Trinh Quán đời Đường, Tứ Tổ xa trông khí tượng thì biết núi ấy có dị nhân. Bèn đích thân đến tìm hỏi các vị tăng trong chùa rằng trong này có Đạo nhân nào chăng? Đáp có một người xuất gia nhưng không phải Đạo nhân. Tổ nói đó là Đạo nhân. Vị tăng không nói, vị khác bảo: Đi vào núi mười dặm có một người dáng khù khờ thấy người không đứng dậy cũng không chấp tay chẳng phải là Đạo nhân. Tổ vào núi gặp Sư, Sư ngồi yên chẳng đoái hoài. Tổ hỏi ở đây làm gì? Sư nói quán tâm. Tổ hỏi quán là ai? tâm là vật gì. Sư không nói mà đứng dậy đánh lễ. Sư hỏi đại đức ở đâu? Tổ nói bần đạo chẳng quyết dừng nghỉ, hoặc Đông hoặc Tây Sư hỏi: Có biết Thiền sư Đạo Tín chăng? Đáp: Hỏi ông ấy làm gì? Sư nói tiếng vang đạo đức đã lâu xa chỉ mong một lần lễ gặp. Tổ nói Thiền sư Đạo Tín là bần đạo đây. Sư hỏi: Sao lại đến đây. Tổ nói: Đến đây để thăm hỏi, ở đây không có chỗ nghỉ ngơi à? Sư chỉ sau lưng nói có một am nhỏ. Bèn dẫn Tổ về, quanh quần chỉ thấy loài con sói. Tổ tỏ vẻ sợ. Sư hỏi cũng có cái ấy ư? Tổ hỏi vừa thấy cái gì? Sư không đáp. Chốc sau Tổ viết một chữ Phật trên tảng đá mà Sư thường ngồi thiền. Sư nhìn kính sợ. Tổ hỏi cũng có cái ấy ư? Sư không hiểu bèn đánh lễ xin nói chân yếu. Tổ nói trăm ngàn pháp môn đồng qui về gang tấc, hà

sa diệu đức ở chung trong nguồn tâm. Tất cả Giới môn Đỉnh môn Tuệ môn thần thông biến hóa đều tự đầy đủ không lìa tâm ông, tất cả phiền não nghiệp chướng xưa nay vốn vắng lặng. Tất cả nhân quả đều như mộng huyễn, không có ba cõi để ra khỏi, không có Bồ đề để tìm cầu, người và chẳng phải người đều tánh tướng bình đẳng. Đại Đạo trống rỗng dứt hết nghĩ ngợi. Pháp như thế nay ông đã được đều không thiếu sót, nào có khác gì với Phật, lại không có một pháp nào khác. Ông đã nhiệm vận tự tại, chẳng cần thực hành quán hạnh, cũng chẳng chứng tâm, không khởi tham sân, chẳng ôm sầu lo, thên thang vô ngại mặc ý dọc ngang. Chẳng làm các điều thiện, chẳng làm các điều ác, đi đứng nằm ngồi mắt thấy gặp duyên đều là diệu dụng của Phật thường vui vẻ không sầu lo, nên gọi là Phật. Sư nói tâm đã đầy đủ thì cái gì là Phật cái gì là Tâm? - Tổ nói: Chẳng phải tâm chẳng phải Phật. Hỏi Phật thì chẳng phải chẳng tâm. Sư nói đã chẳng cần thực hành quán hạnh thì khi cảnh khởi làm sao đối trị? Tổ nói: Cảnh duyên không tốt xấu, tốt xấu là do tâm, nếu tâm không ranh giới tên gọi thì vọng tình từ đâu khởi lên. Vọng tình đã chẳng khởi thì chân tâm nhiệm vận khắp biết. Ông chỉ theo tâm tự tại mà không cần đối trị, liền gọi là thường trụ pháp thân không có đối khác. Ta nhận được pháp môn Đốn giáo của Đại sư Tăng Xán, nay giao lại cho ông, ông nay nhận kỹ lời ta nói, chỉ ở núi này, sau sẽ có năm vị thông đạt nối huyễn hóa của ông - Tổ trao phó pháp rồi bèn trở về núi Song Phong mà ở đó đến già. Còn Sư từ đó giảng nói thịnh hành, trong niên hiệu Vĩnh Huy đời Đường đồ chúng thiếu lương thực, Sư đến Đơn Dương hóa duyên, cách núi tám mươi dặm phải đội gánh một thạch tám đấu gạo, từ sáng đến tối nuôi ba trăm vị Tăng, mà hai thời khóa tụng không thiếu sót, suốt trong ba năm. Ấp Tể là Tiêu Nguyên Thiên, thỉnh sư về chùa Kiến Sơ giảng kinh Đại Bát Nhã, người nghe rất đông. Đến phẩm Diệt Tịnh thì mặt đất rung chuyển bèn trở về núi. Bác Lăng Vương hỏi Sư rằng khi cảnh duyên sắc phát ra mà chẳng nói duyên sắc khởi thì làm sao biết được duyên mà muốn dứt khởi ấy? Sư đáp: Cảnh sắc khi mới phát, hai tánh sắc cảnh là không, vốn không biết duyên đó, tâm lượng cùng biết đồng, chiếu bốn phát chẳng phát, khi ấy khởi tự dứt, ôm ám sinh giác duyên, tâm sẽ không theo duyên, còn như lúc chưa sinh, sắc tâm không nuôi dưỡng, từ không vốn vô niệm, tướng thọ nói niệm sinh, khởi pháp không hề khởi, đâu dùng lệnh Phật dạy?

- Hỏi rằng: Nhắm mắt chẳng thấy sắc, cảnh nghĩ lại càng nhiều, sắc đã không quan hệ đến tâm, cảnh từ đâu mà phát? Sư đáp: Nhắm mắt chẳng thấy sắc, trong tâm động nghĩ nhiều, huyễn thức giả thành

dụng, khởi danh không hề lỗi, biết sắc chẳng quan tâm, tâm chẳng dính lú người, tùy hành có tướng chuyển, chim bay trong chân không.

- Hỏi rằng: Cảnh phát không nơi chốn, Duyên giác rõ biết sinh, cảnh mất giác còn chuyển, giác bèn biến thành cảnh, nếu dùng tâm kéo tâm, lại vì giác mà giác, theo nó từ từ đi, chẳng lìa cõi sinh diệt? Sư nói: Sắc tâm trước giữa sau thật không duyên khởi cảnh, một niệm tự ngưng mất, ai hay kể động tịnh. Tri (biết) này tự (không biết), biết hết duyên chẳng gặp, thường tự giữ bốn hình, đâu cần cầu cảnh ngoài. Cảnh trước chẳng đi mất, niệm sau nay không đến, tìm trăng cầm huyễn ảnh, bỏ dấu theo chim bay, muốn biết tâm bốn tánh, lại như thấy trong mộng, ví như băng thảng sáu chỗ chỗ đều giống nhau, lánh không trọn chẳng thoát, tìm không lại chẳng thành, mượn hỏi cảnh trong gương, tâm từ đâu sinh ra?

- Hỏi rằng: Khi vừa phải dụng tâm, mới (có) là tốt an ổn? Sư nói: Khi vừa phải dụng tâm, vừa phải không dụng tâm, nhọc luận bàn danh tướng, nói thẳng không phiến trọng, không dụng tâm vừa khớp, thường dùng không vừa khớp, lại nói không chỗ tâm, cũng không có tâm khác.

- Hỏi: Người trí dẫn lời mâu, thì cùng tâm gặp nhau nói khác nẻo với tâm, họp thì muôn lần trái nhau? Sư đáp: Phương tiện nói lời mâu, phá bịnh Đạo Đại thừa, không liên quan bản tánh, lại từ không hóa tạo vô niệm là chân thường, trọn phải dứt nẻo tâm, lìa niệm tánh không động, sinh diệt chẳng trái nhau, tiếng vang hay do tiếng, có ảnh bởi xem gương.

- Hỏi: Người tu thế cảnh có, nhờ giác biết cảnh mất trước giác và sau giác. Cảnh đều có ba tâm? Sư nói: Cảnh dùng chẳng phải thể giác, giác nghỉ chẳng nên lo, nhờ giác biết cảnh mất, khi giác cảnh chẳng khởi, trước giác và sau giác, cảnh đều có ba tâm.

- Hỏi: Trú định đều chẳng chuyển, sắp là chánh Tam-muội, các nghiệp chẳng thể kéo, chẳng biết tế vô minh, từ từ đuổi theo sau? Sư đáp: Lại nghe có người khác, vọng chấp khởi tâm lương, việc trong ba không thành, chẳng chuyển lại luống dối, tâm là chánh thọ buộc hay là tịnh nghiệp chương, tâm trần muôn phần một, chẳng hiểu nói vô minh, nhỏ nhặt tập nhân khởi, từ từ danh tướng sinh, gió thổi sóng liền động, muốn nước lại lặng yên, lại muốn nói đường trước, sợ hậu tâm kinh sợ. Vô niệm thú lớn gầm, tánh không dưới sương mai, sao tan đẹp cỏ dơ, ngang dọc chim bay lạc, năm đường định phân luận 4 ma không tiến bước, đã như lửa dữ đốt, lại như kiếm bén chém.

- Hỏi: Nhờ giác biết muôn pháp, muôn pháp xưa nay thế, nếu giả chiếu dụng tâm, chỉ được chiếu sáng tâm, chẳng nên việc trong tâm?

- Sư nói: Nhờ giác biết muôn pháp, muôn pháp không hề nhờ, nếu giả chiếu dụng tâm, thì chẳng ở ngoài tâm.

- Hỏi: Tùy theo không chọn lựa, tâm minh chẳng hiện tiền, lại lo tâm đen tối, ở tâm dùng công hạnh, trí chướng lại khó dứt? Sư đáp: Có này chẳng thể có, tìm đây chẳng thể tìm, không chọn tức thật chọn, được tối sinh tâm minh, người lo tâm mê tối, giữ tâm nhờ công hạnh sao luận nạn trí chướng, đến Phật mới là bịnh.

- Hỏi: Chiết trung thì dứt hỏi thật cũng khó an vui, nếu chẳng phải người tu, nạn này rất khó thấy? Sư nói Chiết trung muốn tiêu dứt, tiêu dứt chẳng khó dễ, trước quán tâm ở tâm, kế suy trí trong trí, thứ ba chiếu suy ra, thứ tư chung vô ký, thứ năm gọi giải thoát, thứ sáu không chân ngại, thứ bảy biết pháp bốn, thứ tám từ vô vi, thứ chín biết không ấm, thứ mười mây mưa khắp, rốt lại kia không giác, vô minh sinh Bốn trí, cảnh tượng hiện ba nghiệp, người huyễn hóa bốn nẻo, chẳng trụ ở không biên phải chiếu không trong có, trong có chẳng ngoài không, chưa ắt không có đủ, gọi đó là Chiết trung, Chiết trung không nói năng, yên vui không chỗ yên, dụng hạnh đâu có quyết?

- Hỏi: Riêng có một loại người, khéo hiểu không vô tướng, miệng nói Định Loạn một, lại nói không trong có, đồng chứng dụng thường tịch, hiểu biết dụng thường tịch, dụng tâm gặp chân lý, sau nói dụng vô dụng, trí tuệ phương tiện nhiều, lời nói hợp với lý, như như lý tự như, không do thức tâm hiểu. Đã biết tâm hiểu quấy, tâm tâm lại cùng mất, như thế khó biết pháp, không bao giờ biết được, đồng người dụng tâm này, pháp đều không thể hóa? - Sư nói: Có người riêng chứng không, lại như kệ trước nói, hành không giữ vắng lặng, thức thấy chỉ tạm thời, hiểu chân là tâm lượng, chưa hề biết nguồn cội, lại nói dứt dụng tâm, nhiều trí nghi tương tự, bởi do tánh chẳng sáng, cầu không lại nhọc mình, nhiều kiếp ở thức tối, ôm nhau đều chẳng biết. Phát sáng liền động đất, ở đó muốn làm gì.

- Hỏi: Việc trước là khán tâm, lại có nạn lưới giăng? - Sư nói: Xem tâm có lưới giăng, huyễn tâm đâu đợi xem hướng không có huyễn tâm ung dung mở miệng khó.

- Hỏi: Lâu có cơ nghiệp lớn, nẻo tâm khác lẫn nhau, hiểu được chướng vi tế, liền thấu suốt bờ chân. Nếu không phải thầy giỏi, không thể quyết lý này. Rất mong Đại sư con, vui lòng mở yếu môn, dẫn dắt người dụng tâm chẳng để mất chánh đạo - Sư đáp: Pháp tánh vốn cơ

nghiệp, mong cảnh thành khác nhau, thân thật tướng nhỏ nhiệm, sắc tam thường chẳng ngộ. Bồng gặp kẻ hỗn độn, buồn thương xót chúng sinh, giả nghi rộng hỏi han, trong ô m lý thường sáng, cắt ngang đường sinh tử, khen chê tâm chẳng động, lão già quê phân đáp, pháp tướng vẻ thẹn thùng, mong phát thuốc chúng sinh, lại làm như sắc tánh.

- Niên hiệu Hiển Khánh năm thứ nhất Ấp Tể là Tiêu Nguyên Thiện mời Sư xuống núi đến ở chùa Kiến Sơ, Sư tạ từ mãi không khỏi bèn khiến vào thất của Thượng Thủ Trí Nham trao phó cho pháp Ấn để thứ lớp truyền trao. Khi sắp xuống núi thì bảo chúng rằng: Ta chẳng còn trở về đây nữa đâu. Lúc đó chim thú buồn kêu thảm thiết cả tháng không ngưng. Trước am có bốn cây ngô Đồng lớn, giữa tháng mùa Hạ mà bồng héo rụng. Năm sau Đinh Tỵ ngày 23 tháng giêng nhuận thì Sư tịch tại chùa Kiến Sơ, thọ sáu mươi bốn tuổi, hạ lạp 45. Ngày 27 thì chôn ở núi Kê Lũng, người đưa hơn cả vạn. Trong chỗ ở cũ tại núi Ngưu Đầu, nguồn vàng, suối Hồ gằm, suối Tích trượng, ao rùa vàng, nhà đá nơi sư ngồi tĩnh tọa hiện nay vẫn còn.

- Dời thứ 2: Thiên sư Trí Nham:

Người ở Khúc A, họ Hoa, khi tuổi trưởng thành thì trí dũng hơn người, thân cao bảy thước sáu tấc. Trong niên hiệu Đại Nghiệp đời Tùy làm Lang t ướng. Sư thường dùng cung mang một túi lọc nước đi đâu cũng dùng được. Sư nhiều lần theo Đại tướng đi chinh phạt có lập nhiều chiến công. Trong niên hiệu Võ Đức đời Đường, tuổi đã bốn mươi bèn xin xuất gia. Sư vào núi Hoãn Công ở Thư Châu làm đệ tử Thiên sư Bảo Nguyệt. Sau, một hôm ngồi yên thấy có vị Tăng thân cao hơn trượng thần sáng khí thanh bảo Sư rằng: Ông tám mươi đời xuất gia càng phải nên tinh tiến, nói xong liền biến mất. Ông từng ở trong hang nhập định, nước khe núi tràn ngập. Sư vẫn an nhiên bất động thì nước ấy tự rút. Có một thợ săn gặp Sư vì vậy đổi nghề tu thiện. Lại có hai người đồng quân trận xưa nghe ẩn vào núi bèn tìm đến gặp bảo Sư rằng: Lang tướng điên à sao lại ở đây. Đáp: rằng: Ta điên muốn (sắp) tỉnh còn các ông thì đang phát điên. Ưa thích thanh sắc dâm tham vinh nhục thì thường trôi lăn trong sinh tử biết khi nào thoát ra, 2 người cảm ngộ than thở tự rút lui. Niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười bảy ông trở về Kiến Nghiệp vào ở núi Ngưu Đầu, gặp Thiên sư Dung mà phát minh việc lớn. Thiên sư bảo Sư rằng: Ta nhận được chân quyết của Đại sư Tín, chỗ được đều mất, nếu có một pháp hơn Niết-bàn ta nói cũng như mộng huyễn. Một hạt bụi bay mà che mù cả trời, một hạt cải rơi mà phủ khắp đất, nay ông đã

bỏ qua thấy này thì ta biết làm sao. Tất cả sơn môn hóa đạo sẽ giao lại cho ông. Sư bèn lãnh lệnh làm Tổ đời thứ hai. Sau đem chánh pháp được giao lại cho Thiên sư Phương, ở tại hai Chùa Bạch Mã và Thê Huyền. Lại dời về ở thành Thạch Đầu, vào ngày 10 tháng giêng năm nghi Phụng thứ 2 thời nhà Đường thì thị tịch, nhan sắc không đổi co duỗi như còn sống. Trong thất có mùi thơm lạ suốt cả tuần không tan. Sư căn dặn là thủy táng, thọ bảy mươi tám tuổi, tuổi lập ba mươi chín.

- Đời thứ 3: Thiên sư Tuệ Phương:

Người ở Diên Lăng thuộc Nhuận Châu, họ Bộc, vào chùa Khai Thiện xuất gia và thọ giới cụ túc, thông suốt kinh luận. Sau đến núi Ngưu Đầu gặp Thiên sư Nham học hỏi bí yếu. Nham quán xét căn khí của Sư có thể đảm nhận chánh pháp bèn chỉ bày Tâm Ấn, Sư rộng sáng lãnh ngộ. Do đó không ra khỏi rừng núi suốt mười năm, người học từ bốn phương đến đông như mây ùn. Một hôm Sư bảo chúng rằng: Ta muốn đi nơi khác tùy cơ lợi vật, còn các ông hãy nên tự lo. Bèn giao phó chánh pháp cho Thiên sư Pháp Trì. Bèn đến ở Mao Sơn suốt mấy năm khi sắp mất thấy có năm trăm người râu tóc đều có dáng vẽ như Bồ tát, đều cầm phướn đẹp bảo rằng: Mời Pháp sư giảng kinh. Lại cảm được thần núi hiện thành thân rắn to đến trước sân như sắp khóc mà từ biệt. Sư bảo Thị giả là Hồng Đạo rằng: Ta sắp đi đây. Ông vì ta báo cho các môn nhân, khi môn nhân đến thì sư đã tịch. Lúc đó là ngày mồng 1 tháng 8 niên hiệu Thiên Sách năm thứ nhất thời nhà Đường. Núi rừng bạc trắng, khe suối ngưng chảy suốt bảy ngày, đạo tục khóc than tiếng động núi rừng. Sư thọ sáu mươi bảy, tuổi lập bốn mươi.

- Đời thứ 4: Thiên sư Pháp Trì:

Người ở Giang Ninh thuộc Nhuận Châu, họ Trương. Tuổi nhỏ xuất gia. Năm ba mươi tuổi đến trong pháp hội của Đại sư Hoàng Nhẫn ở Huỳnh Mai nghe pháp mà tâm khai. Sau lại được Thiên sư Ngộ Phương ấn khả. Bèn nối dấu sơn môn làm tông tổ ở Ngưu Đầu. Khi ngài Huỳnh Mai tạ thế thì bảo đệ tử là Huyền Trách rằng: Sau có mười vị sẽ truyền pháp ta mà Pháp Trì ở Kim Lăng là một. Sau giao phó pháp Nhẫn cho Thiên sư Trí Oai. Vào ngày mồng 5 tháng 9 niên hiệu Trường An năm thứ hai đời Đường Sư thị tịch tại Viên Vô Thường chùa Diên Tô ở Kim Lăng. Di chúc khiến đắp bày hài cốt dưới cội thông để nuôi chim thú. Ngày đưa thi hài ra giữa hư không có Thần cầm phướn từ phía Tây đi đến nhiều quanh núi mấy vòng. Chỗ ở tre trúc đều bạc trắng suốt bảy

ngày mới ngưng sư thọ sáu mươi tám tuổi, tuổi lập bốn mươi mốt.

- Đồi thứ 5: Thiên sư Trí Oai:

Người ở Giang Ninh, họ Trần, trụ ở núi Nghinh Thanh. Mới đến tuổi tóc để trái đào, bỗng một hôm không thấy trong nhà, chẳng ai biết đi đâu. Đến khi. Cha mẹ hỏi tìm mới biết đã nương Pháp sư Thống ở chùa Thiên Bảo mà xuất gia, năm ba mươi tuổi thọ Giới cụ túc. Sau nghe Thiên sư Pháp Trì ra đời bèn đến lạy gặp và được trao truyền chánh pháp. Từ đó học chúng ở Giang Tả đều đến, trong đó có Tuệ Trung được xem là pháp khí, Sư có nêu kệ rằng:

*Chớ phiền niệm niệm
Thành sông sinh tử
Biển luân hồi sáu đường
Chẳng thấy nổi sóng cao*

Tuệ Trung đáp kệ rằng:

*Niệm tưởng từ huyễn đến
Tánh vốn không đầu cuối
Nếu được ý ở đây
Sóng dài phải tự dừng.*

Sư tiếp kệ rằng:

*Bổn tánh ta hư vô
Duyên vọng sinh nhân ngã
Làm sao dứt vọng tình
Lại về ngồi chỗ không.*

Tuệ Trung đáp kệ:

*Hư vô là thật thể
Nhân ngã đâu lại còn
Vọng tình không cần dứt
Tức ngồi thuyền Bát-Nhã.*

Sư biết người này đã liễu ngộ bèn trao cho Sơn môn rồi tùy duyên hóa độ. Ngày 18 tháng 2 niên hiệu Khai Nguyên năm thứ mười bảy đời Đường thì tịch tại chùa Diên Tộ. Khi sắp tịch bảo đệ tử hãy đem thân vào rừng thí cho chim thú, hưởng thọ bảy mươi bảy tuổi.

- Đồi thứ 6: Thiên sư Tuệ Trung:

Người ở thượng Nguyên thuộc Nhuận Châu, họ Vương. Năm hai mươi ba tuổi thọ nghiệp ở chùa Trang nghiêm. Sau nghe Thiên sư Trí Oai ra đời bèn đến yết kiến. Oai vừa thấy liền bảo: Chủ núi đến. Sư

cảm ngộ ý chỉ sâu kín bèn cho làm thị giả. Sau từ biệt đến lễ các nơi khác. Oai trụ ở viện cụ Giới thấy dây lăng tiêu mùa hạ mà héo, người muốn chặt bỏ. Do đó bảo rằng: Chớ chặt. Tuệ Trung trở về thì cây này sống lại. Lúc ấy Sư về thì quả nhiên đúng như lời nói. Bèn giao cho sơn môn, rồi ra ở chùa Diên Tộ. Sư (Tuệ Trung) bình sinh chỉ dùng 1 áo nạp và 1 bình bát từng cúng hai kho lúa nuôi Tăng. Kẻ trộm rình thì có hổ giữ kho. Huyện lệnh là Trương Tốn đến núi đánh lễ hỏi Sư có đồ đệ nào không? Sư nói có ba mươi lăm người. Tốn hỏi làm sao được gặp? Sư gõ vào giường thiền thì có ba con hổ gầm rống chạy ra. Tốn kinh hãi lui về. Sau chúng thỉnh sư trở về chùa cũ Trang Nghiêm. Sư muốn xây pháp đường ở phía Đông điện. Trước có cây cổ thụ bầy chim khách làm tổ trên đó, thợ sắp đốn. Sư bảo chim rằng: Đất này nay xây pháp đường, sao các người không sớm bay đi. Nói xong thì bầy chim khách dời tổ sang cây khác. Lúc mới xây cất có hai thần định bốn góc lại ngầm giúp việc ban đêm nên chẳng mấy ngày thì xong. Do đó học đồ bốn phương nhóm về, người được pháp có đến ba mươi bốn vị, đều ở một phương khác mà độ nhiều chúng. Sư từng có kệ an tâm dạy chúng rằng:

*Nhân pháp đều dứt
Thiện ác cùng quên
Chân tâm chân thật
Đạo tràng Bồ đề.*

Niên hiệu Đại Lịch ba năm thứ ba đời Đường, trước thạch thất treo nôi, trên cây treo áo mùa hạ cây bị chết khô. Ngày rằm tháng 6 năm Đại Lịch thứ tư, Sư nhóm chúng Bồ tát xong thì sai thị giả cạo tóc rửa mình. Giữa đêm có mây lành che trên tinh xá, trên hư không có tiếng nhạc trời Ngài hỏi sáng chưa? rồi ngồi mà hóa. Lúc đó, mưa to gió lớn thổi gãy cây trong rừng, lại có cái móng trắng vắt ngang qua núi, mùa Xuân niên hiệu Đại Lịch năm thứ năm làm lễ trà-tỳ, Xá-lợi thu được vô số, thợ tám mươi bảy tuổi.

Thiền Sư Pháp Dung trước đây có ba đời bàng xuất đệ tử nổi pháp.

Thiền sư Đàm Thôi trụ ở Chung Sơn thuộc Kim Lăng.

Người ở Ngô Quận, họ Cố. Lúc đầu đến yết kiến đại sư Pháp Dung ở Ngưu Đầu. Đại sư nhìn thấy cho là kỳ lạ, bảo rằng: Sắc thanh là rượu độc của vô sinh thợ tưởng là hầm bẫy của bậc chí nhân, ông có biết chăng. Sư làm thình mà xét thì Đại Ngộ Huyền Chỉ. Liên ẩn dấu ở Chung Sơn suốt trong nhiều năm. Cát am tranh ở Ngõa Phủ để ở đến hết đời. Ngày mồng 06 tháng 02 niên hiệu Thiên Thọ năm thứ 3 đời

Đường, Sư điềm nhiên nhập định bảy ngày mà tịch, thọ sáu mươi hai tuổi.

Thiền sư Trí Oai trước đây có ba đời bồng xuất đệ tử nổi pháp

Thiền sư Huyền Đĩnh ở chùa An quốc ở Tuyên Châu:

Không biết người ở đâu, đã từng vào một ngày ở Trường An đến giảng kinh Hoa Nghiêm, có một vị Tăng đến hỏi Ngũ Tổ rằng: Chân tánh duyên khởi nghĩa ấy thế nào? Tổ im lặng. Lúc đó Sư đứng hầu một bên mới nói rằng: Nay Đại đức, chính lúc khởi một niệm hỏi ấy là trong chân tánh duyên khởi. Vị tăng sau lời nói liền đại ngộ. Lại có người hỏi Nam tông từ đâu mà lập? Sư đáp Tâm tông chẳng có Nam Bắc.

- Thiền sư Huyền Tổ ở Hạc Lâm Nhuận Châu:

Người ở Diên Lăng thuộc Nhuận Châu, họ Mã. Trong niên hiệu Như Ý đời Đường Sư thọ nghiệp tại chùa Trường Thọ ở Giang Ninh. Về già tham kiến ngài Trí Oai Thiền sư bèn ngộ Chân tông. Sau chùa Hạc Lâm tại Kinh Khẩu. Một hôm có người đồ tể đến gặp Sư mời về nhà cúng dường. Sư vui vẻ đến nơi. Chúng đều nghi ngờ, Sư bảo: Phật tánh bình đẳng hiền ngu như nhau nhưng người đáng được độ thì ta liền đến độ, đâu có gì khác nhau. Có vị Tăng hỏi: Thế nào là ý từ Tây Trúc đến. Sư nói hiểu tức chẳng hiểu, nghi tức chẳng nghi. Sư lại nói: Chẳng hiểu thì chẳng nghi, chẳng nghi thì chẳng hiểu. Lại có vị Tăng gõ cửa, Sư hỏi: Ai đấy? Đáp: Là Tăng. Sư nói: Chẳng phải chỉ là tTăng, Phật đến cũng không dính. Thưa: Phật đến sao không dính mắc Sư nói không có chỗ ông ghé nghỉ ngơi - Ngày 11 tháng 11 niên hiệu Thiên Bảo năm thứ mười một lúc nửa đêm, Sư không bệnh mà tịch, thọ tám mươi lăm tuổi, xây tháp thờ ở núi Hoàng Hạc. Vua sắc chỉ ban thụy hiệu là Đại Tân Thiền sư, tháp hiệu Đại Hòa Bảo Hàng.

- Thiền sư Sùng Tuệ, ở núi Thiên Trụ Thư Châu:

Người ở Bành Châu, họ Trần. Niên hiệu Càn Nguyên đời Đường lúc đầu Sư đến núi Thiên Trụ ở Thư Châu xây chùa. Niên hiệu Vĩnh Thái năm thứ nhất vua sắc ban hiệu là chùa Thiên Trụ. Có vị Tăng hỏi: Thế nào là cảnh Thiên trụ? Sư nói: Núi Chủ Bộ cao khó thấy mặt trời. Trước ngọn Ngọc cảnh để hiểu người.

- Hỏi: Khi Đạt-ma chưa đến xứ này thì có Phật pháp hay không? Sư đáp: Thời vị lai đã bỏ việc nay lấy gì sinh. Thưa rằng: Chẳng hiểu gì xin Sư giảng rõ. Sư nói: Vạn cổ bầu trời cao rộng, lúc nào cũng có gió trăng. Hỏi lâu lại nói Xà-Lê hiểu chẳng. Tự mình phần trên làm sao

sinh. Can hệ gì Đạt-ma kia đến hay chưa đến làm gì. Người khác đến rất giống ông thầy bói. Thấy ông chẳng hiểu cho ông một chùy mà phá tan lời văn kỳ quái). Vừa sinh lành dữ ở phần trên ông tất cả tự xem. Vị Tăng hỏi: Thế nào là người hiểu bói toán? Sư nói khi ông vừa ra khỏi cửa liền chẳng trúng. - Lại hỏi: Thế nào gia phong của Thiên trụ? Sư nói: Khi có mây trắng đến thì đóng cửa. Lại không có gió trắng bốn núi sông. Hỏi: Tăng chết rồi thì ở đâu? Sư nói: Núi Tiềm cao vót ngọn xanh rì, sông thư trắng sáng màu rực rỡ - Hỏi: Thế nào là Phật Đại Thông Trí Thắng? Sư nói: Nhiều kiếp đến nay không hề bít lấp chẳng phải Phật Đại Thông Trí Thắng thì là cái gì? - Hỏi: Vì sao Phật pháp chẳng hiện tiền? Sư nói: Chỉ vì ông không hiểu cho nên thành chẳng hiện tiền. Nếu ông hiểu rồi thì không có Phật Đạo để thành. - Hỏi: Thế nào là Đạo? Sư nói: Mây trắng tự che núi xanh, chim ong bay sân hoa - Hỏi: Từ trên các Thánh có nói năng gì? Sư nói: Nay Ông thấy ta có nói năng gì. - Hỏi: Trong tông môn thỉnh Sư lên tiếng? Sư nói: Trâu đá rống dài ngoài chân không, ngựa gồ hý vang ả núi. - Hỏi: Chỗ lợi người của Hòa-thượng như thế nào? Sư nói: Một cơn mưa thấm khắp sắc đẹp của ngàn núi. - Hỏi: Thế nào là người trong núi Thiên trụ? Sư nói: Riêng mình đến ngàn đánh núi, dạo chơi khắp suối chín khúc. - Hỏi: Thế nào là ý từ phương Tây đến? Sư nói: Vượn trắng ôm con đến núi xanh, ong bướm ngậm hoa mà hút nhụy. Sư ở núi giảng Đạo suốt hai mươi hai năm. Ngày 22 tháng 7 niên hiệu Đại Lịch năm thứ mười bốn thì Sư tịch. Xây tháp thờ ở phía Bắc chùa để an táng toàn thân.

Thiền sư Huyền Tố chùa Hạc Lâm Nhuận Châu trước đây có đệ nổi pháp:

- Thiền sư Đạo Khâm ở Kính Sơn, thuộc Hàng Châu.

Người ở Côn Sơn Tô Châu, họ Chu. Xưa theo Nho học, năm hai mươi tám tuổi thì gặp Thiền sư Huyền Tố, bảo rằng: Xem thấy ông thần khí ôn hòa thật là pháp bảo. Sư cảm ngộ nhận xin làm đệ tử. Huyền Tố đích thân cạo tóc và dặn rằng: Ông đi theo con sông gặp núi Kính thì dừng. Sư bèn đi về Nam đến Lâm An thấy một ngọn núi ở phía Đông Bắc nhân hỏi tiểu phu thì đáp đó là Kính Sơn, bèn đến ở đó. Có vị Tăng hỏi: Thế nào là Đạo? Sư nói: Trên núi có cả chếp, đáy nước có bụi cỏ bông. Mã Tổ sai người đưa thư đến, trong thư vẽ một hình tròn. Sư bèn vạch một nét trong vòng tròn rồi gấp thư gửi lại. Có vị Tăng hỏi Thế nào là ý Tổ sư từ tây-trúc đến? Sư nói: Ông hỏi không đúng. Lại hỏi: Thế nào là đúng, thì đáp đợi ta diệt độ rồi sẽ nói cho ông biết - Mã Tổ sai đệ tử là Trí Tạng đến hỏi: Trong mười hai giờ (24 giờ) lấy gì làm

cảnh? Sư nói: Đợi ông trở về sẽ có tin. Trí Tạng nói: Tôi đang trở về. Sư nói: Truyền lời thì phải hỏi lấy Tổ Tào Khê (Lục tổ) - Niên hiệu Đại Lịch năm thứ ba đời Đường, Đường Đại Tông mời Sư vào Triều kính lễ. Một hôm Sư ở trong sân thấy vua liền đứng dậy. Vua hỏi: Sư vì sao mà đứng? Sư nói: Thí chủ, đâu được trong bốn oai nghi mà thấy bần đạo. Vua rất vui bảo Trung Quốc Sư rằng: Muốn ban cho Khâm Sư một danh hiệu. Trung vui mừng dâng chiếu bèn ban hiệu là Quốc Nhất. Sau từ biệt vua trở về núi. Vào tháng 12 niên hiệu Trinh Quán năm thứ tám Sư đang nói pháp thì mất thọ bảy mươi chín tuổi. Vua sắc ban thụy hiệu là Đại Giác Thiền sư.

Thiền sư Đạo Khâm ở Kính Sơn thuộc hàng Châu trước đây có Đệ tử Đệ tử nổi pháp:

Thiền sư Đạo Lâm ở Sào ở Hàng Châu.

Người ở Phú Dương thuộc Bồn quận, họ Phan. Mẹ là bà họ Chu thấy ánh sáng chạy vào miệng bèn có thai. Khi sinh ra thì mùi thơm lạ đầy nhà bèn đặt tên là Hương Quang. Chín tuổi xuất gia, năm hai mươi một tuổi thọ giới cụ túc tại chùa Quả Nguyện ở Kinh Châu. Sau đến nơi Pháp sư Phục Lễ ở Chùa Tây Minh tại trường An mà học kinh Hoa Nghiêm và Luận Khởi Tín. Phục lễ lấy tụng Chân Vọng dạy tu thiền-na. Sư hỏi rằng: Trước hết quán cái gì, dụng tâm như thế nào? giây lâu Phục lễ không nói. Sư lạy ba lạy mà lui ra. Vua Đường Đại tông ban chiếu mời Thiền sư Quốc Nhất ở Kính Sơn vào triều. Sư đến yết kiến bèn được chánh pháp. Khi trở về Nam trước là chùa Vĩnh Phước Cô Sơn, có tháp Bích Chi Phật, lúc đó đạo tục cùng làm pháp hội. Sư chống tích trượng mà vào, có Pháp sư Thao Quang ở chùa Linh Ấn hỏi rằng: Pháp hội này lấy gì làm tiếng? Sư nói: Không có tiếng ai biết là hội. Sau thấy núi Tân Vọng có cây thông lớn cành lá sum xuê tròn như cái lọng bèn leo lên đó mà ở, nên người ta gọi là Thiền sư Ô Sào. Lại có ổ chim Thước (khách) ở đó rất quen thuộc với người, nên gọi là Hòa-thượng Thước Sào. Có thị giả là Hội Thông bỗng một hôm đến từ già Sư mà đi. Sư hỏi: Nay ông đi đâu? Đáp: Hội thông vì pháp xuất gia, vì Hòa-thượng không dạy dỗ gì nên đến các nơi khác mà học Phật pháp. Sư nói: Nếu là Phật pháp thì ta ở đây cũng có chút ít. - Hỏi: Phật pháp của Hòa-thượng ra sao? Sư bèn lấy lông tơ vải áo đang mặc mà thổi. - Hội thông hiểu được ý sâu kín. Trong niên hiệu Nguyên Hòa, Bạch Cư Dị ra trấn thủ ở Quận Tư, nhân vào núi lễ Sư bèn nói Sư rằng: Thiền sư ở chỗ rất nguy hiểm. Sư đáp: Thái Thú nguy hiểm càng hơn. Bạch hỏi: Đệ tử vị trấn giữ sông núi sao có nguy hiểm. Sư nói: Củi lửa giao nhau

tánh biết không dừng, sao chẳng nguy hiểm. Lại hỏi: Thế nào là Đại ý Phật pháp? Sư đáp: Các điều ác chớ làm, các điều thiện vâng làm. Bạch Cư Dị nói: trẻ ba tuổi cũng nói được. Sư đáp: Trẻ ba tuổi nói được mà người già tám mươi không làm được. Bạch bèn đánh lễ. Sư vào ngày mồng 10 tháng 2 niên hiệu Trường Khánh năm thứ tư, bảo thị giả rằng: Nay ta báo đã hết, nói xong thì ngồi mà hóa. Thọ tám mươi bốn tuổi, tuổi lập sáu mươi ba.

Thiền sư Đạo Lâm Ô Sào ở Hàng Châu đây có đệ tử Đệ tử nổi pháp

- Thiền sư Hội Thông, chùa Chiêu Hiền ở Hàng Châu.

Người ở Bồn quận, họ Ngô vốn tên Nguyên Khanh hình tướng khôi ngô tuổi nhỏ mà rất thông minh. Đời Đường Đức Tông làm Lục cung Sứ. Vương tộc đều thích. Mùa xuân thấy cung Chiêu Dương hoa nở rộ bèn đến ngắm xem rất lâu. Bỗng nghe trên hư không có tiếng nói: Tướng hư huyền nở tàn không dừng có thể làm hại gốc lành. Sao Nhân giả lại ưa thích. Sư sực tỉnh nghĩ là tuổi trẻ sùng thiện quá lắm ắt sinh chán sợ. Vua một hôm dạo cung hỏi: Sao khanh chẳng vui? Tâu rằng: Thần từ nhỏ không ăn mặn chỉ muốn theo Phật. Vua nói trầm xem khanh như Côn Trọng nhưng giàu sang muốn hơn người là không trái với khanh chỉ xuất gia thì không được. Sau đó, vua thấy dung mạo tiêu tụy liền ban chiếu sai làm Vương Tân Tướng. Tâu rằng: Người này nối tiếp làm hưng thịnh Tam bảo. Vua bảo Sư rằng: Như khanh xin chọn ngày xa gần mà tâu lại. Sư rất tạ ân. Vừa được tin nhà nói mẹ bệnh bèn xin về thăm viếng. Vua ban thưởng rất hậu. Sai Hữu Ty đưa tiễn Sư. Đến nhà chưa bao lâu gặp Pháp sư Thao Quang khuyên gắng bèn gặp Ô Sào nguyện làm thí chủ cùng lập am xây chùa. Chùa thành bèn thưa rằng: Đệ tử bảy tuổi đã ăn chay, mười một tuổi thọ năm giới, nay hai mươi hai tuổi vì xuất gia mà từ quan, xin Hòa-thượng trao cho tăng tướng. Đáp rằng: Thời nay làm Tăng có người khổ nhọc làm nhiều việc lạm dụng. Sư nói: Vốn trong sáng chẳng cần mài giũa, căn bản sáng tỏ không tùy theo soi chiếu. Bảo rằng: Nếu ông thể tịnh trí diệu viên vốn tự trống vắng (không tịch thì đó là chân xuất gia rồi, cần gì phải nhờ tướng bên ngoài). Ông chính là Bồ tát Tại Gia, giới thí đều tu như bạn bè của Tạ Linh Vận kia. Sư nói đúng thế, lý tuy như thế nhưng với sự nào có ích gì. Nếu được nhiếp thọ thì thể vâng theo lời Sư dạy. Ba lần thỉnh Như thế đều không chịu ừ. Lúc đó Thao Quang bèn kiên quyết thưa Ô Sào rằng: Cung sứ chưa hề cưới cũng không nuôi thị nữ. Thiền sư nếu vẫn không thừa tiếp thì ai được độ. Ô Sào liền xuống tóc và truyền

Giới cụ túc cho. Sư thường ăn chay giờ mẹo ngày đêm tinh tiến tụng kinh Đại thừa mà tu Tam-muội An Ban. Vừa cố từ tạ để đi du phương, Ô Sào lấy lông vải (thổi) mà ngộ chỉ. Lúc đó gọi là Bồ mao thị giả (Thị giả lông vải). Đến khi Ô Sào qui tịch hai mươi năm thì Đường Võ Tông phá chùa, Sư cùng Tăng chúng lạy từ Linh tháp mà đi xa, không biết cuối cùng ra sao.

Thiền sư Tuệ Trung trước đây có hai đời đệ tử Đệ tử nổi pháp:

Thiền sư Duy Tắc ở hang Phật Quật núi Thiên Thai.

Người ở Kinh Triệu, họ Trương Tôn. Lúc nhỏ gặp Thiền sư Trung ở Ngũ Đầu mà đại ngộ huyền chỉ, sau ẩn vào ngọn phía Tây của Bạo Bồ ở Thiên Thai. Trong niên hiệu Nguyên Hòa đời Đường, giảng kinh dẫn thanh. Lúc đầu chỉ hang núi đang ở là Phật Quật. Một hôm dạy chúng rằng: Trời đất không có vật, ta cũng không có vật, nhưng chưa từng không có vật, vậy thì bậc Thánh như bóng trăm năm như mộng, thì cái gì là sinh tử. Bậc chí nhân do đó mà riêng xét chiếu mà làm chủ muôn vật. Ta biết như thế. Các ông có biết chăng? Có vị tăng hỏi: Thế nào là mũi tên Na-la-diên? Sư nói: Là trúng đích. Bỗng một hôm bảo đệ tử rằng: Các ông nên cố gắng, ta đâu có nói gì! Hai hôm sau, giữa đêm Sư ngồi yên mà thị tịch, thọ tám mươi tuổi, tuổi lạp năm mươi tám.

Thiền sư Duy Tắc ở hang Phật Quật núi Thiên Thai đệ tử Đệ tử nổi pháp Thiên Thai Sơn.

Thiền sư Vân Cư Trí núi Thiên Thai.

Đã từng có vị Tăng ở viện Hoa Nghiêm là Kế Tông hỏi rằng: Thấy tánh thành Phật nghĩa ấy thế nào? Sư nói: Tánh thanh tịnh xưa nay rộng sáng không hề lay động, chẳng thuộc có không, tịnh uế, dài ngắn, lấy bỏ, tự thể thường như thế. Thấy rõ như thế thì gọi là thấy tánh. Tánh tức Phật, Phật tức tánh, cho nên nói thấy tánh thành Phật. - Hỏi: Tánh đã thanh tịnh thì chẳng thuộc có không, vì sao lại có thấy? - Sư nói: Thấy không chỗ thấy - Hỏi: Không chỗ thấy vì sao lại có thấy? Sư nói: Chỗ thấy cũng không. - Hỏi: Như thế khi thấy là ai thấy? Sư nói: Không có người tự nhiên thấy - Hỏi: rốt ráo lý ấy ra sao? Sư nói: Ông biết chẳng vọng suy nghĩ là có tức có, năng sở được gọi là mê, theo thấy mà sinh hiểu thì rơi vào sinh tử. Người thấy rõ (minh kiến) thì chẳng như thế. Suốt ngày thấy mà không hề thấy, cầu chỗ thấy thể tướng chẳng thật có năng sở đều mất thì gọi là thấy tánh. Hỏi: Tánh này ở khắp tất cả chỗ chăng? Sư nói: Không chỗ nào chẳng khắp. Hỏi: Phạm phủ có chăng? Sư nói: Trước nói không chỗ nào chẳng khắp há phạm phủ mà không đủ ư? - Hỏi: Vì sao chư Phật Bồ tát không bị sinh tử trôi buộc,

mà riêng phàm phu lại bị khổ này, thì đâu là khắp được? Sư đáp: Phàm phu ở trong tánh thanh tịnh chấp có năng sở liền rơi vào sinh tử. Còn chư Phật Đại sĩ khéo biết trong tánh thanh tịnh chẳng thuộc có không, tức năng sở chẳng lập - Hỏi: Nếu nói như thế thì có người liễu và chẳng liễu? Sư nói: Liễu còn chẳng thật có, há có người tự nhiên liễu ư? - Hỏi: Lý rốt ráo ra sao? Sư đáp: Ta nói tóm tắt, ông ở ngay niệm này trong tánh thanh tịnh không có Thánh phàm, cũng không có người liễu và người không liễu. Hai loại Phàm và Thánh đều là tên gọi, nếu theo tên mà sinh hiểu thì liền rơi vào sinh tử. Nếu biết là giả danh không thật, thì tức là không có tên gọi này. Lại bảo đây là chỗ rất rất ráo, nếu nói ta có thể thấy liễu mà người kia không có thể thấy liễu thì là bệnh lớn, thấy có tịnh ược, phàm Thánh cũng là bệnh lớn. Nếu hiểu không có phàm Thánh thì thuộc về bác không có nhân quả. Thấy có tánh thanh tịnh để nương tựa cũng là bệnh lớn, hiểu không có chỗ nương tựa cũng là bệnh lớn. Nhưng trong tánh thanh tịnh tuy không có lay động mà lại đầy đủ các phương tiện ứng dụng bất hoại và hưng vận lòng từ bi chỗ hưng vận như thế tức hoàn toàn là tánh thanh tịnh, có thể gọi là thấy tánh thành Phật. Kế Tông vui mừng lay tạ mà lui.

* **Tổ thứ 32: ĐẠI SƯ HOÀNG NHÃN:** đời thứ nhất bành xuất đệ tử Đệ tử nổi pháp.

1. Thiên sư Thần Tú Bắc Tông.

Người ở phủ Khai Phong, họ Lý. Thuở nhỏ học Nho lâu thông các sách, bỗng bỏ đi xuất gia tìm thầy học đạo. Đến chùa Đông Sơn ở Song Phong thuộc Kỳ Châu, gặp Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn lấy ngôi thiên làm cốt yếu (sự nghiệp) bèn khen phục rằng: Đây mới thật là thầy ta. Bèn tâm thể khổ nhọc gánh nước bữa cử tự phục dịch mà cầu đạo. Hoàng Nhẫn thâm biết nên càng chú trọng dạy dỗ, bảo rằng: Ta độ nhiều người nhưng ngộ giải thì không ai bằng ông. Khi Tổ Hoàng Nhẫn đã tịch, Thần Tú bèn đến trụ núi Đương Dương ở Giang Lăng. Đường Võ Hậu nghe tiếng Sư bèn mời vào kinh, ở trong Nội đạo tràng mà cúng dường, càng đặc biệt kính lễ, cho lập chùa Độ Môn ở núi cũ mà biểu thị cho đức độ của Thần Tú. Lúc đó Vương công sĩ thứ đều bái phục. Đến lúc Đường Trung Tông lên ngôi thì càng trọng vọng Sư, Đại thần Trương Thuyết đã từng hỏi pháp yếu và xin làm đệ tử. Sư có bài kệ dạy chúng rằng:

Tất cả Phật pháp

*Tự tâm vốn có
 Cầu vật ngoài tâm
 Bỏ cha đi hoang.*

Niên hiệu Thần Long năm thứ hai, Ngài ở chùa Thiên Cung ở Đông Đô mà viên tịch. Vua ban thụy là Đại Thông Thiên sư, đầy đủ nghi lễ an táng ở Long Môn. Vua tiến đến cầu, các Vương công sĩ thứ cùng đưa đến huyệt. Trương Thuyết và Trương Sĩ Lô Hồng làm bia. Môn nhân là Phổ Tịch, Nghĩa Phước v.v... đều được triều đình và thôn quê kính trọng.

2. Quốc sư Tuệ An ở Tung Nhạc.

Người ở Chi Giang thuộc Kinh Châu, họ Vệ. Vua Tùy Văn Đế niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười bảy năm giữ thiên hạ, riêng độ tăng ni, khen sư là cây vô danh. Sư bèn tuần du các hang núi. Trong niên hiệu Đại Nghiệp mộ người khai thông sông ngòi, người đói khát rất nhiều, Sư đi khát thực mà cứu rất đông. Vua Tùy Dạng Đế mời, Sư không đến, trốn vào núi Thái Hòa. Khi vua đến Giang Đô trong nước nhiều nướng, bèn chống tích trượng lên chùa Hoàn Nhạc tu hạnh đầu đà. Trong niên hiệu Trinh Quán đời Đường Sư đến Huỳnh Mai yết kiến Tổ Hoàng Nhãn nhận được tâm yếu. Niên hiệu Lâm Đức năm thứ nhất bèn đến Thạch Bích ở núi Chung Nam mà ở đấy. Vua Đường Cao Tông mời Sư cũng không đến. Sư trải khắp các danh tích, đến Tùng Thiểu thì bảo rằng: Ta mất ở đây. Từ đó người tu thiền càng hội họp, có hai vị Thản Nhiên và Hoài Nhượng đến tham vấn rằng: Thế nào là ý của Tổ sư ở Tây Trúc đến? Sư đáp: Sao không hỏi ý mình? Thừa rằng: Ý mình như thế nào? Sư nói nên quán tác dụng ngẫm. Hỏi: Thế nào là tác dụng ngẫm? Sư nháy mắt mấy cái mà biểu thị. Nhưng sau lời nói thì biết về mà không đến nơi khác. Hoài Nhượng duyên chưa chín bèn từ giả mà đến Tào Khê. Võ Hậu mời Sư về triều đãi lễ thầy trò, cùng tôn trọng như Thiên sư Thần Tú. Võ Hậu có hỏi Sư về Giáp Tử. Sư nói không nhớ. Võ Hậu hỏi sao không nhớ. Sư đáp: Thân sinh tử như cuộc tuần hoàn, hoàn hết và không khởi thì nhớ làm gì. Huống chi tâm này rong chạy mãi không dừng, thấy bọt nước sanh diệt hẳn là luống dối. Từ sơ thức (thức đầu Tiên) cho đến tướng động, khi diệt cũng chỉ như thế, có năm tháng nào mà nhớ, Võ Hậu nghe xong gật đầu tin nhận. Đến niên hiệu Thần Long năm thứ hai, vua Đường Trung Tông ban cho y ca sa tím, Sư độ được 14 vị đệ tử, vẫn vào cung cấm được cúng dường ba năm, vua lại ban cho một ma-nạp. Sư từ giả Tung Nhạc. Năm đó ngày

mồng 3 tháng 3 Sư dặn dò các đệ tử rằng: Ta chết rồi hãy mang thân ta vào rừng đợi lửa rừng thiêu đốt. Bỗng lúc đó có Vạn Hồi Công đến thăm thì tha thiết nắm tay bàn nói, người đứng hầu bên cạnh lắng nghe mà chẳng hiểu gì. Đến ngày mồng 8 thì đóng cửa ngói yên mà thị tịch thọ một trăm hai mươi tám tuổi (sinh năm Nhâm Dần, niên hiệu Khai Hoàng thứ hai đời Tùy, mất vào niên hiệu Cảnh Long thứ ba Đường, Kỷ Dậu, đời gọi là Lão An Quốc sư). Đệ tử vâng lời đặt thân trong rừng, quả nhiên lửa rừng tự thiêu, xá-lợi thu được tám mươi hạt, có năm hạt màu đỏ tía giữ ở trong cung. Đến niên hiệu Tiên Thiên năm thứ hai, đệ tử xây tháp thờ.

3. Thiên sư Đạo Minh ở Mông Sơn thuộc Viên Châu:

Người ở Phàn Dương, là con cháu của Trần Tuyên Đế, nước mất nên lưu lạc chốn dân gian vì là cháu vua nên được (xem trọng) do đó có hiệu là Tướng quân. Thuở nhỏ Sư xuất gia ở chùa Vĩnh Xương mộ đạo rất chí thiết. Bèn đến nương Pháp Hội của Ngũ Tổ mà hết lòng nghiên tâm. Lúc đầu chưa hiểu, khi nghe Tổ ngâm giáo y pháp cho Lô Hành Giả (Lục tổ Tuệ Năng) thì liền dẫn mấy mươi người đồng tâm ý đuổi theo tìm đến núi Đại Tẩu. Sư đi trước nhất, những người kia chưa đến. Lô Hành Giả thấy Sư bèn chạy đến để y bát trên tảng đá bằng, bảo rằng: Y này biểu thị cho lòng tin, lại dùng sức mà tranh giành ư? Ông cứ lấy đi. Sư bèn cầm lên, nhưng nặng như núi không thể nâng lên được, bèn do dự khiếp sợ thưa: Con đến đây cầu pháp chứ không phải cầu y, xin hành giả chỉ dạy cho con. Lục Tổ nói chính lúc không nghĩ thiện không nghĩ ác là mặt mũi xưa nay của Thượng Tọa Minh. Ngay lời nói ấy thì Sư Đại ngộ, toàn thân ướt đẫm mồ hôi, khóc lạy thưa rằng: Ngoài mặt ngữ mật ý trên, còn có ý chỉ nào khác chăng? Lục Tổ nói: Nay ta nói với ông thì không phải mật nữa, nếu ông chiếu soi lại lấy mình mà nhìn, thì mật liền ở bên ông. Sư nói: Con trước nay ở bên ngài Huỳnh Mai theo chúng, nhưng chưa tự xét mình mà nhìn, nay xin chỉ trao chỗ vào, như người uống nước nóng lạnh tự biết. Nay hành giả tức là thầy con. Lục Tổ nói: Như thế thì ta cúng ông đồng thầy là ngài Huỳnh Mai, hãy tự khéo giữ gìn. Sư lại hỏi: Sau này con nên về đâu? Tổ nói gặp Viên thì dừng gặp Mông thì ở. Sư bèn lễ tạ, rồi đến một chân núi bảo mọi người rằng: Leo lên chót vót mà xa trông thì chồng chất không dấu vết hãy tìm đường khác cũng thế. Sư trở về, bèn một mình đến Đài Bố Thủy ở Lô Sơn, ở đó ba năm. Sau mới đến Mông Sơn ở Viên Châu mà rộng hoàng hóa. Lúc đầu tên là Tuệ Minh, vì tránh chữ Tuệ của Tổ Tuệ

Năng nên gọi là Đạo Minh. Sư dặn dò các đệ tử đều đến Lãnh Nam mà tham vấn Lục Tổ.

*** Đệ tử nổi pháp Thiền sư Thần Tú Bắc Tông** (Đời thứ hai của Tổ Hoàng Nhẫn)

1. Thiền sư Cự Phương ở núi Ngũ Đài.

Người ở An Lục, họ Tào. Thuở nhỏ thọ nghiệp với Thiền sư Lăng ở Viện Minh Phước. Trước giảng kinh luận, sau tham thiền. Khi tới Bắc tông, Thiền sư Tú hỏi: Chỗ mây trắng tan ra sao? Sư nói: Không hiểu. Tú lại hỏi: Đến chỗ này sau thế nào? Sư đáp: Chánh thấy một cành có năm lá. Tú làm thình chấp nhận. - Vào thất đứng hầu đối đáp hầu như không sai lầm. Bèn tìm đến Thượng Đẳng Hàn Lãnh mà ở. Được mấy năm chúng đông cả ngàn. Sau, Sư hoằng hóa ở Ngũ Đài hơn hai mươi năm sau thì nhập diệt, thọ tám mươi một tuổi vào ngày mồng 03 tháng 09 niên hiệu Khai Nguyên thứ 15 đời Đường. An táng toàn thân trong tháp.

2. Thiền sư Trí Phong ở núi Trung Điều thuộc Phủ Hà Trung:

Họ Ngô, trước học luận Duy Thức bị dính mắc bởi Danh Tướng, bị người hiểu gạn hỏi: Nổi giận mà bỏ giảng, đến đến núi Võ Đang, gặp Thiền sư Tú thì tâm nghi sớm loại trừ. Nghĩ nuôi mầm Thánh bèn từ giả mà đi, đến ở núi An Phong tại Bồ Tân mười năm chẳng xuống núi chỉ ăn rau cỏ uống nước suối. Thục Châu Mục Vệ Văn Thăng mời sư về thành nội, xây dựng viện Tân An Quốc mà ở. Đạo tục kéo đến không ngớt. Sứ quân hỏi rằng: Nay ta ngày sau thế nào? Sư nói: Mặt trời từ mưa ra, chiều cây toàn không bóng. Sứ quân mới đầu không thể nào hiểu được, chấp tay vái chào mà lui, sau đó lựa chọn hiểu ra mà cảm thấy thoải mái thư thái. Sư qua lại núi Trung Điều ở hơn hai mươi năm, người được Đạo đông vô số. Sau khi Sư mất thì đệ tử xây tháp thờ ở phía Bắc thành của Châu.

3. Thiền sư Hàng Ma tạng ở Duyên Châu:

Người ở Triệu quận, họ Vương, cha là làm hào Duyên (quan chức nhỏ). Sư 7 tuổi đã xuất gia. Lúc đó ở Thục Dã có nhiều yêu quỷ ưa mê hoặc người, Sư một mình chế phục không chút sợ sệt, nên được gọi là Hàng Ma. Liền nương Thiền sư Minh Tấn ở viện Quảng Phước mà xuất gia siêng tu. Sau khi thọ pháp gặp Bắc Tông Thần Tú thanh hành bèn theo qui y. Tú sư hỏi: Ông tên Hàng Ma ở đây không có ma núi quỷ cây thì ông lại làm ma ư? Sư nói: Có Phật thì có ma. Tú nói: Nếu ông là ma thì ở cảnh giới không nghĩ bàn. Sư nói: Là Phật cũng không sao có cảnh

giới. Tú huyền ký rằng: Ông với gò Thiếu Hạo có duyên Sư bèn tìm vào núi Thái, có rất nhiều người học theo về. Một hôm sư bảo các đệ tử rằng: Ta đã già yếu, vật cuối cùng có chỗ về. Nói xong thì mất, thọ chín mươi một tuổi.

4. Thiên sư Đạo thọ ở Thọ Châu:

Người ở Đường Châu, họ Văn, thuở nhỏ tìm tòi kinh sách, đến năm mười tuổi nhân gặp được vị cao tăng khuyên dạy nên thế xuất gia, lễ Tuệ văn ở núi Minh Nguyệt thuộc bốn bộ làm thầy. Sư thẹn lớn tuổi mới cầu pháp bèn gắng chí đi khắp không đâu chẳng đến. Sau trở về Đông Lạc gặp Thiên sư Tú. Sau lời nói biết có hiểu chút ít sẽ thành pháp khí. Bèn đến núi Tam Phong ở Thọ Châu, cất am tranh mà ở. Thường có người què mặc áo lụa trắng lời lẽ chất phác, nói chuyện kỳ lạ đùa cười và hóa hiện các hình Phật Bồ tát, La-hán Thiên Tiên v.v... hoặc phát ra ánh sáng lạ hoặc tạo tiếng vang, Sư và học trò thấy việc đều chẳng lường. Như thế mười năm thì dứt bật không hình bóng. Sư bảo chúng rằng: Các người què có nhiều hình sắc khéo léo mê hoặc người để làm mất cái chẳng thấy chẳng nghe của Lão Tăng chỉ có Lão Tăng chẳng thấy chẳng nghe, tài khéo ấy chẳng còn mà chẳng thấy chẳng nghe của ta thì không hết. Niên hiệu Bảo Lịch năm thứ nhất đời Đường bị bệnh mà mất, thọ chín mươi hai tuổi, tháng giêng năm sau thì xây tháp.

5. Thiên sư Toàn Thực ở núi Đô Lương Hoài Nam:

Người ở Quang Châu, họ Nhuế. Lúc đầu cất am mà ở. Thái Thú Vệ Văn Khanh mời Sư đến chùa Trường Thọ ở bốn châu mở pháp Hội nhóm họp đồ chúng. Văn Khanh hỏi: Tương lai Phật pháp hưng suy ra sao? Sư đáp: Vật chân thật không xưa không nay cũng không khuôn phép. Pháp hữu vi bốn tướng đổi dời. Pháp sẽ bị vùi lấp, ông đời sẽ thấy. Sư chín mươi ba tuổi thì mất. Ngày mồng 07 tháng 09 năm Giáp Tý Niên hiệu Hội Xương thứ tư đời Đường thì nhập tháp.

*** Đệ tử nổi pháp Quốc sư Tuệ An ở Tung Nhạc**

1. Thiên sư Nhân Kiệt chùa Phước Tiên ở Lạc Kinh:

Từ Tung Sơn bỏ thư hỏi đến Khoáng Giao. Lúc đó thường gọi Hòa-thượng là Đăng Đăng, trong niên hiệu Thiên Sách Vạn Tuế thời nhà Đường, Thiên Hậu ra chiếu mời vào trước điện. Sư nhìn Thiên Hậu hồi lâu rồi nói: Hiểu chăng? Hậu nói chẳng hiểu. Sư nói: Lão tăng giữ giới không nói. Nói xong thì bước ra. Hôm sau dâng khúc ca ngắn có mười chín đoạn, Thiên Hậu xem mà vui ban thưởng rất hậu, Sư đều không nhận. Lại khiến viết bài ca mà truyền khắp trong nước. Lời ca

đều diễn bày chân lý để khuyên răn thời tục, chỉ có bài Liễu Nguyên Ca là thanh hành ở đời.

2. Hòa thượng Phá Táo Đạo ở Tung Nhạc.

Không xưng tên tuổi, ngôn hạnh (lời nói và việc làm) khó lường, ẩn cư ở Tung Nhạc. Sơn Đảo có miếu rất linh, trong điện thờ chỉ có một cái bếp lò, xa gần đến cúng tế không ngớt nấu nướng giết hại sinh mạng rất nhiều. Một hôm Sư dẫn Thị Tăng đi vào miếu, lấy tích trượng đập vào bếp ba cái bảo: Ôi, Táo này, chỉ là đất sét nặn thành Thánh từ đâu đến, linh từ đâu khởi, tại sao lại hưởng vật mạng cúng của người ta. Lại đập ba cái thì bếp nghiêng rớt xuống đất. Phút chốc thì có một người mặc áo xanh đầu đội mũ bông lạy trước Sư. Sư hỏi: Người là ai. Đáp: Con là Thần Táo trong miếu này từ lâu chịu nghiệp báo, hôm nay được Sư nói pháp vô sinh mà được thoát chỗ này sinh lên cõi trời, nên đến đây lễ tạ. Sư nói: Đó là ông vốn có tánh không phải ta nói ép. Thần Táo lạy lễ và biến mất, Thiếu tuyền thị Tăng v.v... đều hỏi Sư rằng: Chúng con là những người ở lâu bên Hòa-thượng mà chưa hề nghe Thầy khổ công dạy bảo, còn Thần Táo được ý chỉ thẳng tắt nào mà được sinh lên cõi trời. Sư nói: Ta chỉ nói ông ta là do đất sét tạo thành, ngoài ra cũng không có đạo lý nào vì ông ta. Thị Tăng đứng yên không nói, Sư hỏi hiểu chăng? Chủ sự thưa không hiểu. Sư nói: Tánh vốn có vì sao chẳng hiểu. Thị Tăng bèn đánh lễ. Sư nói rơi xuống rơi xuống, nát ra nát ra (bể tan bể tan). Sau có Thiên sư Nghĩa Phong đem thưa với Quốc sư An, Quốc sư than rằng: Người này hiểu hết các vật đồng nhất như ta, có thể nói rằng: Trắng sáng trên không đều thấy. Khó gặp ngữ mạch ấy. Thiên sư Nghĩa Phong liền khoanh tay cúi đầu hỏi rằng: Chẳng hay ai gặp ngữ mạch khác? Quốc sư nói không biết - Lại có Tăng hỏi: Khi mọi vật vô hình thì ra sao? Sư nói: Lễ tức chỉ là ông mà không phải ta, bất lễ (chẳng lạy) chỉ có ta mà chẳng phải ông. Vị Tăng ấy bèn lễ tạ. Sư nói: Vật vốn có là vật chẳng phải vật. Do đó mà Đạo tâm chuyển được vật tức đồng Như lai. Lại có vị tăng hỏi: Thế nào là người tu hạnh lành? Sư nói: Chăm thương mặc giáp. Thế nào là người làm hạnh ác? Sư nói: Tu thiền nhập định. Tăng thưa: Con căn cơ còn cạn, thỉnh sư chỉ thẳng. Sư nói: Ông hỏi ta ác, ác chẳng từ thiện, ông hỏi ta thiện, thiện chẳng từ ác. Hồi lâu lại hỏi: Hiểu chăng? Tăng thưa: Không hiểu. Sư nói: Người ác không có niệm lành, người lành không có tâm ác. Do đó nói thiện ác như mây nổi, đều không có chỗ khởi diệt. Vị tăng ấy sau đó liền đại ngộ - Có vị tăng từ núi Ngưu Đầu đến. Sư hỏi: Ông đến từ pháp Hội nào? Tăng đến gần chấp tay đi nhiễu quanh Sư một vòng rồi lui ra. Sư nói: Ở

Hội Ngưu Đầu chẳng thể có người này. Tăng bèn trở lại chấp tay hướng bên Sư. Sư nói quả nhiên quả nhiên! Tăng liền hỏi: Sư ứng vật chẳng do thời khác là sao? Sư nói: Tranh được chẳng do khác. Tăng hỏi: Cái gì là thuận chánh về nguồn? Sư nói: Về nguồn sao thuận? Tăng nói: Không phải Hòa-thượng lầm lẫn chiêu lỗi. Sư nói: Cũng là Đạo lý chưa thấy bốn tổ, thấy rồi thì thông tương lai. Tăng liền đi nhiều một vòng rồi lui ra. Sư nói: Đạo thuận chánh xưa nay vẫn thế. Tăng đánh lễ - Lại Tăng thị đứng hầu lâu. Sư bảo: Tổ tổ Phật Phật chỉ nói như người. Bốn tánh bốn tâm chẳng có đạo lý khác. Hiểu lấy hiểu lấy. Tăng lễ tạ, Sư bèn lấy phất trần đánh bảo rằng: Một chỗ như thế, ngàn chỗ cũng thế. Tăng liền chấp tay đến trước Sư dạ một tiếng. Sư nói: Lại chẳng tin, lại chẳng tin. Tăng hỏi: Thế nào là kẻ Đại xiển đề? Sư nói: Tôn trọng lễ bái. Lại hỏi: Thế nào là người Đại tinh tiến? Sư nói: Hủy nhục sân giận. - Sau chẳng biết Sư mất ở đâu?

3. Thiên sư Nguyên Khuê ở Tung Nhạc:

Người ở Y Khuyết, họ Lý, xuất gia từ nhỏ. Niên hiệu Vĩnh Thuận năm thứ hai đời Đường, Sư thọ giới cụ túc ở chùa Lệ Nhân cư. Học tập Tỳ ni không mệt mỏi. Sau yết kiến An Quốc sư dùng chân tông ấn khả mà đốn ngộ huyền chỉ, liền chọn am tranh ở núi Bàn Ổ. Một hôm có Dị nhân đội mũ mặc áo kép quần cụt đi đến. Người theo sau rất đông, dáng nhẹ nhàng thông dong đến ra mắt Đại sư. Sư thấy hình dáng kỳ vĩ phi thường bèn bảo rằng: Mau đến đây nhân giả. Bèn hàm hồ mà đến nói sư đâu biết ta? Sư nói: Ta xem chư Phật và chúng sinh bình đẳng ta nhìn qua há phân biệt ư? Ông ấy bảo ta là thần núi này, có thể khiến người sống chết, Sư sao có thể nhìn qua ta. Sư nói: Ta vốn chẳng sinh, ông đâu thể chết. Ta thấy thân cùng không như nhau, thấy ông cùng ta như nhau. Ông có thể phá hoại không và ông ư? Nếu có thể phá hoại không và ông thì ta không sinh không diệt. Ông còn chẳng thể như thế thì sao có thể làm ta sống chết. Thần cúi đầu thưa: Tôi cũng thông minh chánh trực như các thần khác, đâu biết Sư có trí tuệ biện luận rộng lớn? Nguyên xin trao cho chánh giới để khiến tôi vượt (thoát) đời. Sư nói: Ông đã xin giới tức là đã thọ giới rồi. Vì sao ? vì ngoài giới không có giới thì là giới nào? Thần nói lý này tôi nghe mịt mù. Chỉ cầu giới của Sư, tôi xin làm đệ tử. Sư liền bày chỗ ngồi cầm lò hương ngay nơi bàn mà bảo rằng: Ta trao cho ông năm giới, nếu giữ được thì nói được nếu không giữ được thì nói không. Thần nói xin vâng lời. Sư nói: Ông chẳng dám được không? Thưa: Cũng có cưới vợ. Sư bảo: Không phải nói cái đó, mà là không có giảng lược dục. Thần nói: Giữ được. Sư nói: Ông

chẳng trộm cắp được chẳng? Thần đáp: Tôi có thiếu gì mà phải trộm cắp. Sư nói: Không phải vậy, mà là thiết đã thì phước nhiều còn không cùng thì Họa thiện

Thần nói: Được. Sư hỏi: Ông không sát sinh được chẳng? Thần nói: Thật nằm quyền hành làm sao chẳng giết? Sư nói: Không phải vậy, mà có lạm quyền sai lầm nghi lộn, Thần nói được. Sư hỏi ông không nói dối được chẳng? Thần nói: Tôi ngay thẳng đâu có dối? Sư nói không phải thế, mà trước sau chẳng hợp lòng trời Thần nói được. Sư hỏi ông không bị hư bại vì rượu được chẳng? Thần đáp được. Sư nói: Như thế đó là giới Phật - Lại nói vì có tâm vâng trì giữ gìn mà không có tâm câu chấp (chấp chặt), vì có tâm vì vật mà không có tâm tưởng thân mình. Nếu làm được như thế thì trước trời đất sinh ra mà không là Tinh, sau trời đất chết đi mà không là già, suốt ngày biến hóa mà chẳng là động rớt ráo vắng lặng mà chẳng thôi dứt. Ngộ đây thì tuy có cưới cũng không lỗi về vợ tuy có hưởng cũng không phải là lấy, tuy bính mà không phải là quyền. Tuy làm mà không phải cố, tuy say mà không tối tăm. Nếu vô tâm với muôn vật thì la dục chẳng phải là dâm phước dâm họa thiện chẳng phải là trộm. Lạm lạm nghi lộn chẳng phải là sát, trước sau trái trời mà không phải là dối, hôn hoang điên đảo không phải là say, đó gọi là vô tâm, vô tâm thì không giới, không giới thì không tâm, không Phật không chúng sinh, không ông và không tôi, không ông thì cái gì là giới. Thần đáp: Tôi thần thông thua Phật. Ông thần thông năm câu được, năm câu không được. Phật thì bảy câu được ba câu không được, Thần sửng sốt tránh chiếu quì xuống thưa rằng: Con xin được nghe. Sư nói: Ông có thể lệt Thượng Đế đi hưởng Đông mà chiếu bảy sao hưởng Tây chẳng? Đáp: Không được. Sư nói: Ông có thể cướp Địa kỳ dung năm nhạc mà kết bốn biển chẳng? Đáp: Không được. Sư nói đó là năm câu không được. Còn Phật được không tất cả tướng thành trí muôn pháp mà chẳng thể dứt diệt định nghiệp Phật có thể biết tánh quần hữu thấy rõ việc ức kiếp mà không thể hóa đạo người không duyên, Phật có thể độ vô lượng hữu tình mà không thể độ hết thế giới chúng sinh, đó là ba thứ không được. Định nghiệp cũng chẳng ràng buộc lâu, kẻ vô duyên cũng chỉ một hạn kỳ, thế giới chúng sinh vốn không thêm bớt. Lại không một người có thể chủ có pháp. Có pháp không chủ, gọi là không pháp, không pháp không chủ gọi là không tâm. Như ta hiểu pháp cũng không có thần thông, chỉ dùng vô tâm mà thông hiểu tất cả pháp nhĩ. Thần nói: Thật là cạn cợt tối tăm chưa nghe Nghĩ không. Sư đã trao giới cho con con xin vâng giữ. Nay xin báo, Từ Đức công hiệu tài

năng của tôi. Sư nói: Ta quán thân không vật, quán pháp vô thường thẹn là lại có muốn gì. Thần nói: Sư sẽ khiến tôi làm việc thế gian, mở mang tiểu thần công cho con khiến đã phát tâm, mới phát tâm, chưa phát tâm, chẳng tin tâm sẽ tin tâm, năm hạng người ấy thấy dấu thần của con. Biết có Phật có thần có làm được và không làm được, có tự nhiên, có không phải tự nhiên. Sư nói: Không phải thế, không phải thế. Thần nói: Phật cũng khiến thần hộ pháp. Sao Sư lại phản Phật? Xin tùy ý dạy bảo. Sư bất đắc dĩ nói rằng: Vùng núi ở Đông Nham trơ trọi không có cây cối, còn vùng núi phía Bắc thì đầy đầy. Ông có thể dời cây ở núi Bắc về núi Đông được chăng? Thần nói: Con xin vâng lời. Nhưng giữa đêm khuya sẽ có tiếng động ồn ào xin Sư chờ sợ. Rồi đánh lễ mà lui. Sư đưa ra cửa và nhìn theo thì thấy rõ ràng oai vệ của 1 vị vua bỗng ẩn vào mây khói trên trời mà biến mất. Đêm ấy quả nhiên có sấm chớp gió bão dữ dội, nhà cửa cây cối lay động chim chóc kêu thảng thốt, Sư bảo chúng chờ sợ, Thần giao ước với ta. Đến sáng thì cây phía Bắc đã đầy khắp phía Đông sum suê thẳng hàng. Sư bảo môn đồ sau khi ta mất rồi chờ nói cho ai biết, nếu nói thật thì người cho ta yêu mị. Niên hiệu Khai Nguyên năm thứ tư là năm Bính Thìn Sư dặn dò môn nhân rằng: Trước ta ở núi phía Đông chùa. Ta mất rồi thì đặt hài cốt ta ở đấy. Nói xong thì an nhiên mà hóa. Thọ bảy mươi ba tuổi, đệ tử xây tháp thờ.

*** Đệ tử nổi pháp Thiền sư Phổ Tịch ở Tung Sơn (Đời thứ ba của Tổ Hoàng Nhấn).**

1. Thiền sư Duy Chánh ở núi Chung Nam.

Người ở Bình Nguyên, họ Chu, thọ nghiệp với Pháp sư Thuyên Trưng ở chùa Diên Hòa thuộc bốn châu. Đắc pháp với Thiền sư Phổ Tịch ở Tung Sơn. Đã được quyết liễu chân thuyên bèn vào núi Thái Nhất. Người đến học đầy nhà. Trong niên hiệu Đại Hòa đời Đường, vua Văn Tông thích ăn con hào, các quan lại ở dọc bờ sông biển đều đem dâng. Một hôm trong bữa ăn thì có con hào không hả miệng. Vua cho là điềm lạ bèn đốt hương khẩn vái, bỗng biến thành hình Bồ tát phạm tướng đầy đủ, liền lấy hộp vàng và đàn hương đựng lại bọc gấm bên ngoài mà tặng chùa Hưng Thiện khiến Tăng chúng chiêm lễ. Nhân hỏi các quan thần đấy là điềm gì? Có người tâu trong núi Thái nhất có Thiền sư Duy Chánh, hiểu sâu Phật pháp đọc rộng các sách. Vua bèn mời vào hỏi việc ấy. Sư tâu: Thần nghe vật chẳng ứng sông, đây xin bệ hạ hãy tín tâm. Bởi kinh có nói đáng dùng thân này mà độ thì hiện thân này nói pháp. Vua hỏi thân Bồ tát đã hiện mà chưa nghe nói Pháp

sư hỏi: Bệ hạ thấy đây là thường hay phi thường, tin hay không tin. Vua nói việc rất hiếm lạ, trẫm rất tin. Sư tâu: Bệ hạ đã nghe nói pháp rồi. Lúc đó vua rất vui mừng được điều chưa từng có, ra chiếu khiến các chùa viện trong nước đều lập tượng Quán Âm. Để đáp tạ điều lành khác lạ, bèn giữ Sư ở lại trong nội Đạo Tràng. Nhiều lần Sư giả từ về núi, vua lại ra chiếu mời vua ở chùa Thánh Thọ. Đến khi Đường Võ Tông lên ngôi thì Sư bỗng vào núi Chung Nam mà ẩn. Có người hỏi lý do. Sư nói: Ta tránh oán cừu. Sau mất tại nhà trong núi thọ tám mươi bảy tuổi. Khi trà-tỳ thu được bốn mươi chín hạt xá-lợi, vào ngày mồng 04 tháng 09 niên hiệu Hội Xương năm thứ ba đưa vào tháp kính thờ.

*** Đệ tử nổi pháp Thiên sư Vô Tướng ở Ích Châu** (Đời thứ tư của Tổ Hoàng Nhẫn).

1. Thiên sư Vô Trụ ở chùa Bảo Đường thuộc Ích Châu.

Lúc đầu đắc pháp với Thiên sư Vô Tướng, bèn đến ở Bạch Nhai tại Nam Dương chuyên việc yên tịnh trải qua nhiều năm, người Học đến thỉnh Sư không ngớt. Từ đó bèn dạy răn, tuy rộng diễn giảng ngôn giáo nhưng chỉ lấy Vô Niệm làm tông. Đường Tương quốc là Đổ Hồng ra cai trị nghe tiếng Sư bèn đến chiêm lễ. Tháng 9 Niên hiệu Đại Lịch năm thứ nhất, sai sứ đến núi mời Sư về. Lúc đó Tiết Độ Sứ Thôi Ninh cũng khiến các Tăng đồ ở các chùa từ xa đến đón rước. Ngày mồng 1 tháng 10 thì đến chùa Không Tuệ. Bấy giờ Tương quốc Đổ Công cùng các tướng soái và các vị Tam học Thạc Đức (các bậc cao đức có đủ ba học câu hội về chùa đánh lễ xong, công hỏi có nghe Sư trước ở đây rồi sau đi về đâu. Đáp rằng: Vô trụ tối tánh thích nơi thôn dã có nhiều sông núi, từ Hạ Lan Ngũ Đài đi khắp các thắng cảnh, từng theo thầy ở Đại từ ở quý Phong giảng tối thượng thừa, liền từ xa tìm đến quy y, không xứng đáng dự vào pháp tịch. Sau đến ở núi Trì Bạch được nhiều năm. Nay được Tương Công mời chẳng dám không theo. Tương Công nói: Đệ tử có nghe Hòa-thượng Kim có nói không nhớ, không niệm, chớ vọng ba câu pháp môn phải chăng? Sư đáp: Đúng. Công nói: Ba câu ấy là một hay là ba. Sư nói không nhớ là giới không niệm là định, chớ vọng là tuệ. một tâm không sinh đủ giới định tuệ, không phải một không phải ba Công nói: Câu sau chữ chớ vọng có phải là từ tâm mà quên chăng? Sư đáp; từ con gái thì đúng hơn Công nói: Có chứng cứ gì. Đáp: Kinh Pháp Cú nói: Nếu khởi tâm tinh tiến là vọng, không phải tinh tiến, nếu tâm thường chẳng vọng là tinh tiến không bờ bến. Công nghe mà nghi tình rửa sạch. Lại hỏi: Sư lại dùng ba câu ấy mà dạy người chăng? Đáp:

Với người sơ tâm mới học thì phải khiến dứt niệm lắng dừng sáng thức, nước trong thì ảnh hiện, ngộ niệm vô thể thì vắng lặng hiện tiền, ngay cả vô niệm cũng chẳng lập. Lúc đó cây trước sân có quạ kêu. Công hỏi: Sư có nghe chẳng? Sư nói: Có nghe. Quạ bay đi, lại hỏi Sư có nghe chẳng? Sư nói: Có nghe. Công nói: Quạ bay đi rồi không còn tiếng sao nói là nghe. Sư bèn bảo khắp đại chúng: Phật ra đời khó gặp, chánh pháp khó nghe, tất cả hãy lắng nghe kỹ. Nghe và không nghe chẳng liên quan gì đến tánh nghe. Xưa nay không sinh đâu từng có diệt. Khi có tiếng là thanh trần tự sinh, khi không tiếng là thanh trần tự diệt mà tánh nghe này không theo tiếng mà sinh ra cũng không theo tiếng mà diệt mất. Ngộ tánh nghe này thì không bị thanh trần chuyển. Phải biết nghe không sinh diệt, nghe không tới lui. Tướng Công cùng các liêu thuộc và đại chúng đánh lễ. - Lại hỏi: Thế nào là Đệ nhất nghĩa, đệ nhất là từ thứ lớp nào mà vào? Sư nói: Đệ nhất nghĩa không có thứ lớp, cũng không có ra vào. Thế đế thì tất cả là có, còn Đệ nhất nghĩa thì (tất cả là) không, các pháp đều là tánh vô tánh nên nói là Đệ nhất nghĩa Phật nói: Pháp có gọi là Tục đế, tánh không là Đệ nhất nghĩa. Công nói: Như lời Sư chỉ dạy thật chẳng thể nghĩ bàn. Công lại nói: Đệ tử tánh thức cạn cợt yếu kém. Nhân xưa rảnh rỗi con có soạn chương số khởi tín luận 2 quyển có thể được gọi là Phật pháp chẳng? Sư đáp: Soạn chương số đều dùng để biết tâm suy lường phân biệt hữu vi có làm có tạo mà khởi tâm động niệm có thể tạo thành. Y theo luận văn có nói phải biết tất cả pháp từ xưa nay lia tướng nói năng, lia tướng danh tự lia tướng tâm duyên, rốt ráo bình đẳng không có đối khác. Chỉ có một tâm cho nên gọi là chân như. Nay Tướng Công chấp dính vào tướng nói năng, tướng danh từ, tướng tâm duyên, đã chấp chặt các thứ tướng ấy thì làm sao gọi là Phật pháp. Tướng Công đánh lễ thưa rằng: Đệ tử có hỏi các Đại đức cung phụng đều khen đệ tử là chẳng thể nghĩ bàn. Phải biết đó đều chỉ theo tình người. Nay Sư từ lý mà giải thích hợp pháp tâm địa thật là chân lý chẳng thể nghĩ bàn. - Công lại hỏi: Thế nào là chẳng sinh, thế nào là chẳng diệt, thế nào là được giải thoát. Sư nói: Thấy cảnh mà tâm không khởi là chẳng sinh, chẳng sinh thì chẳng diệt. Đã không có sinh diệt thì không bị tiền trần trói buộc, ngay đó giải thoát. Không sinh gọi là không niệm, không niệm thì không diệt, không niệm thì không buộc ràng, không niệm thì không thoát. Tóm lại thì biết tâm tức lia niệm, thấy tánh tức giải thoát. Lìa ngoài biết tâm thấy tánh mà có pháp môn chứng vô thượng Bồ đề, thì không có việc đó. Công hỏi: Sao gọi là biết tâm thấy tánh? Sư nói: Tất cả người học đạo theo niệm mà trôi nổi bởi

vì không biết chân tâm, chân tâm là niệm sinh cũng chẳng thuận theo sinh, niệm diệt thì cũng chẳng nương vào vắng lặng, chẳng đến chẳng đi, chẳng định chẳng loạn, không lấy không bỏ, không chìm không nổi, vô vi vô tướng sống động lao nhao bình thường tự tại, tâm thể này rốt ráo chẳng thật có, không thể thấy biết thì, gặp đâu cũng đều như, đều là thấy tánh. Công và Đại chúng đảnh lễ vui mừng khen ngợi mà lui ra. Sau Sư ở chùa Bảo Đường mà thị tịch.

